

**SaigonBus**<sup>®</sup>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 5, TP. HCM

[www.saigonbus.com.vn](http://www.saigonbus.com.vn)



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2018**





# NỘI DUNG

THÔNG  
TIN  
CHUNG  
05



25

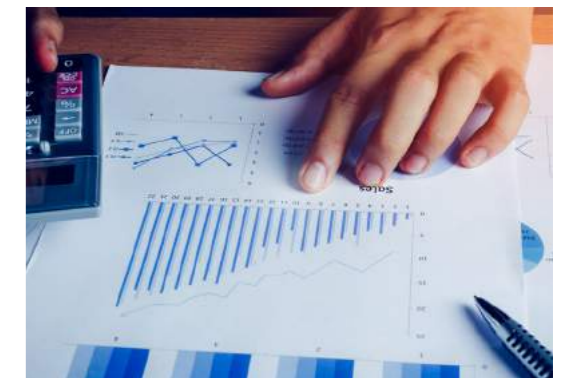
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

41

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM

53

BÁO CÁO  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



67

BÁO CÁO  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

73

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG

79

QUẢN TRỊ CÔNG TY



91

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN



# THÔNG TIN CHUNG

**SaigonBus**<sup>®</sup>

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro





Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Tên giao dịch:	Saigon Passenger Transport Joint Stock Company.
Tên viết tắt:	SATRANCO
Giấy CNĐKDN số:	0300478044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/04/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 10/09/2016.
Vốn điều lệ:	600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng)
Trụ sở chính	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 5, TP. HCM
Số điện thoại:	(08) 3950 5505
Số fax:	(08) 3854 6127
Website:	<a href="http://www.saigonbus.com.vn">www.saigonbus.com.vn</a>
Mã cổ phiếu:	BSG



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (“Saigon-bus”) là một trong những doanh nghiệp vận tải hoạt động lâu đời nhất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Để đáp ứng nhu cầu không ngừng tăng cao của khách hàng, Saigonbus đã mở rộng thêm nhiều dịch vụ khác như: du lịch, liên vận quốc tế, đào tạo lái xe, dịch vụ sửa chữa và đóng mới các loại xe, ngoài các dịch vụ truyền thống mà Saigonbus hoạt động từ khi mới thành lập đó là vận tải công cộng, vận chuyển hành khách.

Công ty được thành lập theo quyết định số 217/QĐ-UB do UBND thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/04/1976, tiền thân là Công ty xe Du lịch với nhiệm vụ đưa đón cán bộ đi công tác. Trụ sở đầu tiên của Công ty được đặt tại địa chỉ 131 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.



Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 22/03/2006 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh.



Công ty chuyển văn phòng về địa chỉ 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.



Công ty được giao quản lý một số xe buýt và nhận nhiệm vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phục vụ cho người dân thành phố Hồ Chí Minh



Công ty trở thành thành viên của Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn (SAMCO) theo Quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15/07/2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.



Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH một thành viên thành công ty cổ phần



Công ty được đổi tên thành Công ty Xe khách Sài Gòn trực thuộc Sở giao thông Công chánh (nay là Sở Giao thông vận tải) theo quyết định số 158/QĐUB ngày 03/12/1992 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.



Công ty được chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, thực hiện nhiệm vụ chính là vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 5350/QĐUBKT ngày 02/10/1997 của UBND thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 95/QĐ-TCNSTL ngày 26/07/1997 của Sở Giao thông Công chánh TP.HCM.



Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/04/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 19/08/2016 với số vốn điều lệ là 600.000.000.000 đồng.





### Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay, Công ty đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh, nhưng hoạt động chính của Công ty tập trung vào (các) ngành nghề sau:

- Dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng ô tô;
- Dịch vụ đưa rước cán bộ công nhân viên, học sinh – sinh viên;
- Dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách quốc tế Việt Nam – Campuchia;
- Dịch vụ Du lịch – Lữ hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ bán vé máy bay.



### Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, Công ty hoạt động chủ yếu tại Tp. Hồ Chí Minh.



1981

Huân chương  
Lao động hạng III

1986

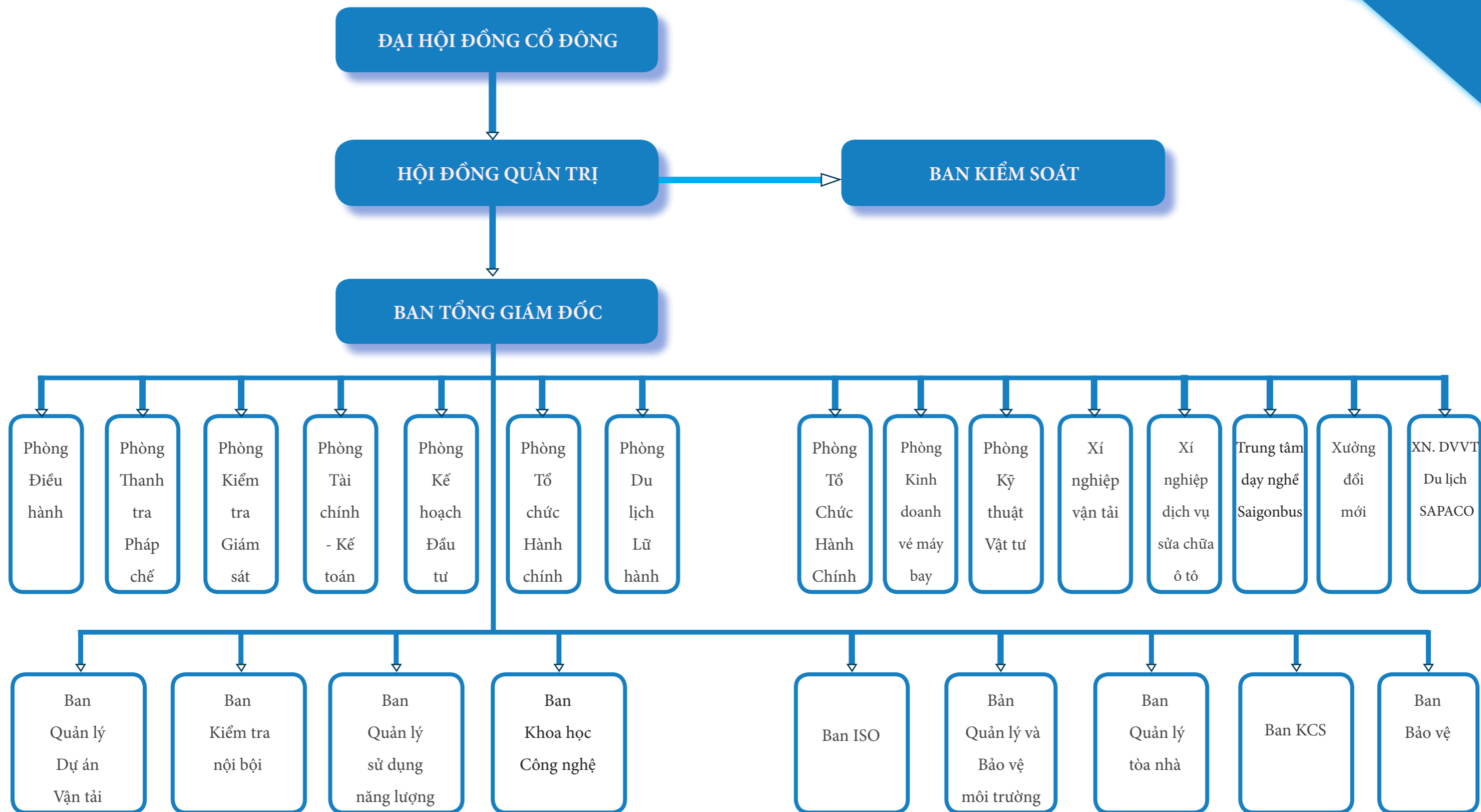
Huân chương  
Lao động hạng II

2014

Huân chương  
Lao động hạng III



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn hoạt động theo “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn” đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn thông qua ngày 28/07/2016, dưới sự định hướng, quản trị, điều hành và giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc) và Kế toán trưởng.

Hiện tại, các phòng, ban chức năng, các xí nghiệp trực thuộc của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn không có sự thay đổi so với trước cổ phần hóa. Trong tương lai, Công ty có thể sẽ điều chỉnh cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty sao cho phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu về tổ chức và xu hướng phát triển của Công ty. Tuy nhiên, những điều chỉnh này không được trái với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Tổng giám đốc: Gồm 01 (một) Tổng giám đốc và (các) Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm. Tổng giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở Điều lệ, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị Công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Theo Điều lệ Công ty, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty **không** có công ty con, công ty liên kết.

Ban Kiểm soát: là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty.

Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính và kế toán; có các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.



### Mục tiêu tổng quát

Phát triển Công ty ổn định, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, khẳng định giữ vững vai trò là đơn vị chủ lực của thành phố trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng. Tiên phong trong việc tổ chức lại mô hình, phương thức quản lý điều hành cũng như áp dụng các công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, thu hút ngày càng đông đảo người dân thành phố sử dụng phương tiện vận tải công cộng;

Đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ, chú trọng đầu tư phát triển kinh doanh du lịch lữ hành trong nước và quốc tế; đầu tư xây dựng các bãi đậu xe đa chức năng theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao.



## Tầm nhìn, Sứ mệnh và Chính sách chất lượng

### Tầm nhìn

Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong phục vụ Vận tải Hành khách Công cộng và cung cấp dịch vụ vận tải đưa đón tại Tp HCM và hoạt động hiệu quả và được xã hội công nhận và tôn vinh.

Với phương châm  
"CHUYÊN NGHIỆP - VĂN MINH"



- Đóng vai trò chủ lực trong phục vụ Vận tải Hành khách Công cộng đáp ứng tốt nhất nhu cầu đi lại của người dân góp, góp phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phát triển dịch vụ Đưa rước công nhân, vận tải hành khách theo hợp đồng, Du lịch Lữ hành nội địa và quốc tế, Đóng mới - Bảo dưỡng sửa chữa xe phục vụ nhu cầu đi lại thường xuyên của người dân.
- Dem lại giá trị cao cho cuộc sống người lao động với mức thu nhập tốt với văn hóa doanh nghiệp tốt, môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng, đoàn kết.
- Sử dụng hiệu quả vốn nhà nước, không ngừng phát triển phục vụ cộng đồng, xã hội, đất nước.

### Sứ mệnh

- Phục vụ khách hàng đảm bảo tiêu chí an toàn, đúng giờ, thân thiện, sang trọng.
- SaigonBus luôn trân trọng ghi nhận và nâng cao sự tín nhiệm của khách hàng.





## VỊ THẾ TRONG NGÀNH VÀ MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

SaigonBus là một trong những đơn vị khai thác dịch vụ vận tải lâu đời, có uy tín tại thành phố Hồ Chí Minh cũng như trong cả nước, nhất là về dịch vụ vận tải hành khách công cộng, đưa rước công nhân, liên vận quốc tế và du lịch lữ hành; là đơn vị đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý, điều hành, khai thác dịch vụ vận tải hành khách. Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiếp tục cung cấp các sản phẩm, dịch vụ vốn là thế mạnh của công ty không ngừng cải tiến, phát triển 2 mảng kinh doanh chính là (1) Hoạt động công ích và (2) Hoạt động kinh doanh dịch vụ:

Đối với hoạt động công ích: Bao gồm xe buýt và đưa rước công nhân có trợ giá, Công ty được đánh giá là một trong những đơn vị chủ lực của thành phố Hồ Chí Minh.

Các hoạt động kinh doanh dịch vụ: Hoạt động kinh doanh dịch vụ bao gồm: đưa rước công nhân, thuê xe hợp đồng, du lịch lữ hành, đào tạo và sát hạch lái xe, đóng mới xe khách, cho thuê văn phòng. Đối với mảng hoạt động kinh doanh dịch vụ này, công ty đã xây dựng được uy tín, thị phần và thương hiệu. Trong số đó phải kể đến thương hiệu du lịch Sapaco đối với mảng hoạt động kinh doanh liên vận quốc tế Campuchia.



## Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Công ty chủ trương xây dựng chiến lược giá cả phù hợp với chất lượng sản phẩm và dịch vụ mang lại cho khách hàng. Mặt bằng giá được xây dựng hợp lý thông qua nghiên cứu và so sánh với giá cả thị trường đồng thời hướng đến khách hàng phân khúc thị trường bậc trung và cao cấp.

Đối với các hoạt động dịch vụ, nhằm xây dựng thương hiệu vững mạnh, Công ty hướng đến không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường công tác marketing, chăm sóc khách hàng..

Dựa trên dự báo về nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải hành khách của các khách hàng (cá nhân và tổ chức) và định hướng về quy hoạch, phát triển ngành vận tải của Chính phủ, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh trong thời gian sắp tới, Saigonbus đã xây dựng định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Saigonbus trong năm 2019 và trong giai đoạn 2019 – 2023.



## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt mức 7,08% tăng cao nhất từ năm 2008 trở lại đây. Sự phục hồi của nền kinh tế cũng là một dấu hiệu đáng mừng cho ngành dịch vụ công ích bởi vì nhu cầu về phương tiện đi lại là thiết yếu đối với mỗi người. Tuy nhiên, sự biến động của nền kinh tế cũng như tốc độ dân số sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việt Nam được đánh giá là nước dân số đông, cơ cấu dân số trẻ và tốc độ gia tăng dân số ổn định.

Ngoài ra, khi thu nhập của người dân cao lên thì sẽ có xu hướng dùng phương tiện đi những phương tiện cao cấp hơn để phù hợp với nhu cầu bản thân. Xu hướng đi xe ô tô riêng, đi xe máy riêng sẽ làm giảm nhu cầu đi lại bằng các phương tiện công cộng. Vì vậy, BSG luôn chủ động theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô, sự biến động của các chỉ số kinh tế - xã hội để đưa ra các biện pháp phù hợp với từng thời kỳ cũng như địa bàn hoạt động để đáp ứng nhu cầu đi lại thiết yếu của con người.

### Rủi ro pháp luật

Là một Công ty thuộc ngành dịch vụ công ích nhưng đồng thời cũng hoạt động theo hình thức là Công ty cổ phần nên BSG chịu một số quy định từ các văn bản pháp luật về cách thức hoạt động và công bố thông tin như là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế và các luật đặc thù như Luật giao thông đường bộ. Vì vậy, việc chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi của các quy định để hoạt động đúng theo khuôn khổ pháp luật, góp phần nâng cao danh tiếng cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty là điều Công ty luôn đặt ra. Đồng thời, các phòng ban của BSG cũng luôn đưa ra những đề xuất để xây dựng quy trình theo đúng các quy định của pháp luật nhằm phát triển Công ty hơn nữa.



### Rủi ro cạnh tranh

Nhu cầu đi lại là thiết yếu đối với mỗi người, tuy nhiên nó lại có nhiều sự lựa chọn. Trong thời đại công nghệ ngày càng phát triển, ngoài các phương tiện cá nhân còn có các dịch vụ vận chuyển thuận tiện và nhanh chóng như xe ôm công nghệ, taxi,... thu hút đông đảo khách hàng tin dùng dịch vụ. Các loại hình dịch vụ này liên tục khuyến mãi, quảng cáo làm ngành dịch vụ phương tiện vận tải công cộng cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Bên cạnh đó, các Hợp tác xã cũng như các hãng xe buýt khác như Citranco cũng có những chiến lược và kế hoạch nhằm gia tăng thị phần cũng như uy tín cho mỗi công ty nên làm rủi ro cạnh tranh của BSG gia tăng.



Tuy nhiên, một khảo sát gần đây của Bộ GTVT có thấy có trên 60% người dân trong mẫu gồm 300.000 phiếu khảo sát ủng hộ hạn chế phương tiện cá nhân. Trong khi đó, ý kiến người dân cũng yêu cầu các phương tiện giao thông công cộng cũng cần được nâng cao hơn nữa về chất lượng để người dân sẵn sàng sử dụng. Đối với các mạng lưới giao thông đường sắt trên không và đường thủy thì chưa được coi là mối cạnh tranh cho BSG vì các dự án này còn đang đối vốn, tiến độ chậm nên rủi ro của Công ty chủ yếu đến từ các phương tiện đường bộ. Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro các rủi ro trên, Công ty luôn có những kế hoạch và tầm nhìn cho dài hạn như: quan tâm và thực hiện các khảo sát thị trường để so sánh giá cả, dịch vụ nhằm đưa ra những biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ.



## Rủi ro về các yếu tố đầu vào

Nguyên liệu chính để vận tải hành khách chủ yếu là xăng dầu nên sự biến động của yếu tố này cũng ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận công ty. Do đó, để giảm thiểu rủi ro cho nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty đã có kế hoạch phòng ngừa bằng cách ký kết các hợp đồng mua hàng với các đối tác để đảm bảo sự ổn định của yếu tố này, hạn chế tác động khi giá dầu biến động, đảm bảo quá trình hoạt động diễn ra liên tục.

## Rủi ro về môi trường

Hoạt động trong lĩnh vực giao thông sẽ không tránh khỏi những tác động tiêu cực đến môi trường như khí thải, khói bụi. Tuy nhiên, ở TP Hồ Chí Minh, thống kê cho thấy lượng xe máy lên đến 9 triệu xe nên lượng khí thải độc hại từ xe máy đang ở mức báo động. Vì vậy, ngành dịch vụ vận chuyển công cộng cũng cần tăng cường lượng xe buýt CNG để bảo vệ môi trường cũng như khuyến khích người dân dùng phương tiện công cộng nhiều hơn để hạn chế ảnh hưởng đến môi trường.



Bên cạnh đó, yếu tố nhân sự khá quan trọng trong Công ty dịch vụ. Chi phí nhân công chiếm tỷ trọng khá lớn trong cấu thành giá vốn hàng bán. Vì vậy, Công ty luôn có những chính sách đãi ngộ để đảm bảo quyền lợi cho nhân viên cũng như lắp đặt hệ thống in vé để tối thiểu hóa chi phí về nhân sự nhưng vẫn đảm bảo được bộ máy tổ chức để đảm bảo quá trình hoạt động luôn được vận hành hiệu quả tối đa.

## Rủi ro an toàn và chất lượng dịch vụ

Đặc thù cả ngành dịch vụ nói chung là tính không hiện hữu và đối với dịch vụ xe buýt công cộng cũng không ngoại lệ. Để giảm bớt độ không chắc chắn khi sử dụng dịch vụ, khách hàng thường căn cứ vào những thứ hiện hữu như loại xe, nguồn gốc, trang thiết bị trên xe, thái độ phục vụ của tiếp viên, kỹ năng lái xe của tài xế,... Do đó, Công ty cần nắm bắt tâm lý khách hàng, làm cho khách hàng cảm nhận rõ ràng hơn về chất lượng dịch vụ để tin dùng cho lần sau. Bên cạnh đó, công tác giám sát thái độ phục vụ của nhân viên trên xe khó khăn nhưng đó lại là một trong những yếu tố cần được quan tâm, ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty ngành dịch vụ vận chuyển công cộng.

Với đặc thù ngành là vận tải nên vấn đề về an toàn giao thông luôn được BSG đặt lên hàng đầu. Đặc biệt, địa bàn hoạt động chủ yếu của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh – nơi có tình hình giao thông phức tạp và nạn kẹt xe thường xuyên vào các giờ cao điểm, tiềm ẩn nguy cơ về an toàn giao thông. Với phương châm luôn đặt an toàn của hành khách lên đầu tiên, BSG luôn đảm bảo an toàn với khách hàng khi cung cấp dịch vụ đem đến trải nghiệm an toàn và tin cậy cho khách hàng.



Nhận thức được điều này, BSG luôn chú trọng công tác tuyển dụng nhân viên có sức khỏe tốt, chịu được áp lực đặc thù của công việc, đào tạo về thái độ phục vụ nhiệt tình và tôn trọng hành khách, không ngừng nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng. Ngoài ra, tâm lý khách hàng khi tham gia lưu thông bằng các phương tiện công cộng còn khá e dè vì nguy cơ mất an toàn về con người cũng như tài sản. Vì vậy, các Công ty dịch vụ công cộng cần nâng cao an ninh trên xe, các lối ra vào cổng bãi nhiều hơn nữa. Đề xuất với chính quyền để có biện pháp răn đe đối với các hành vi tiêu cực trên xe; cùng với việc khuyến khích người dân tố cáo những hành vi tiêu cực đó để ngày càng nâng cao an ninh trên xe, từ đó người dân sẽ tin dùng hơn các phương tiện công cộng. Hơn nữa, trang thiết bị trên xe cũng góp phần làm cho người tiêu dùng tiếp cận và quay lại với dịch vụ. Vì vậy, Công ty luôn trang bị lắp đặt loa nói tự động để khách hàng biết trạm dừng, lắp đặt wifi và phần mềm hướng dẫn đường đi để người dân làm quen với việc thay đổi thói quen sử dụng phương tiện công cộng.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

**SaigonBus**<sup>®</sup>

- Hội đồng quản trị
- Ban Điều hành
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
- Những thay đổi nhân sự
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động





## Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Hội	Thành viên (Miễn nhiệm 09/04/2018)
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/04/2018)
Ông Trần Lâm	Thành viên



Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Năm sinh	1961
Địa chỉ	129 Đinh Bộ Lĩnh, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí Nông nghiệp
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần 7.800.000 cổ phần, tương ứng với 13% VDL -
Đại diện phần vốn	Đại diện Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
5/1984 – 7/1985	Kỹ thuật phân xưởng Công xưởng Thành phố
1985 – 10/1987	Công ty Dừa Long Thành - Đồng Nai
1987 – 11/1993	Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai
1993 – 08/1996	Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch nay là Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch - Đồng Nai
9/1996 – 6/1999	Quản đốc phân xưởng 3 Công ty Cơ khí ô tô Sài Gòn
7/1999 – 7/2004	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí ô tô Sài Gòn
8/2004 – 4/2009	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO)
5/2009 – 9/2013	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)
10/2013 - nay	Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)



## Hội đồng quản trị

Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Năm sinh	1960
Địa chỉ	22F Nguyễn Thị Tân, phường 2, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí ô tô máy kéo
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	229.600, tương ứng với 0.38% VDL 7.200.000 cổ phần, tương ứng 12% VDL – Đại diện Tổng
Đại diện phần vốn	Công ty cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1983 – 12/1983	Học viên Trường Sĩ quan Kỹ thuật công binh Sông Bé (Bình Dương), tốt nghiệp cấp bậc Thiếu úy sĩ quan dự bị thuộc sư đoàn 309 Quân Đoàn 4
1984 – 04/1999	Kỹ sư phòng kỹ thuật, phụ trách đội xe, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty Bì thư chuyên trách Đoàn TN Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Xe khách Liên tỉnh Miền Tây, nay là Công ty Cổ phần Xe khách du lịch và Dịch vụ Miền Tây.
1999 – 2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty,
2011 - 18/08/2016	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn – Thiếu tá sĩ quan dự bị
19/06/2016 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không

Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên HĐQT
Năm sinh	1953
Địa chỉ	57 Đông Du, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Đại diện phần vốn	14.427.400 cổ phần, tương ứng với 24,05% VDL - Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô.

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1981 -1988	Phó Giám đốc Công ty Vật tư Khoa học Kỹ thuật TP.HCM
1989 – 1990	Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Khu vực II (Petrolimex)
1991 – 1992	Phó Giám đốc Công ty Mexco Bộ Công nghiệp Nhẹ
1993 – 1999	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Lâm Long
2000 – 2012	Tổng Giám đốc Công ty City Ford
2012 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty City Ford
2006 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cửa Lò Golf Resort
2012 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Tân Thành Đô Chức vụ hiện đang nắm
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không



## Hội đồng quản trị

### Ông Nguyễn Tuấn Việt

### Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh	1964
Địa chỉ	42 Phạm Đôn, Phường 10, Quận 5, Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	206.900 cổ phần, tương ứng với 0,34% VDL 7.200.000 cổ phần, tương ứng với 12% VDL - Đại diện
Đại diện phần vốn	Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
04/1986 – 06/1996	Cán bộ Kỹ thuật – Xưởng sửa chữa ô tô số 2 Công ty
07/1996 – 07/1998	Phó Phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn
08/1998 – 07/2005	Trưởng Phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn
08/2005 – 04/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
04/2010 – 04/2011	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
05/2011 – 18/08/2016	Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
19/08/2016 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không

### Ông Nguyễn Hồ Minh

### Thành viên HĐQT

Năm sinh	1967
Địa chỉ	195/5B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	206.800 cổ phần – tỷ lệ 0,34%
Đại diện phần vốn	7.200.000 cổ phần – tỷ lệ 12,00%

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
12/1997 – 11/2003	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Điều hành Công ty Xe khách Sài Gòn
12/2003 – 05/2004	Phó Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn
06/2004 – 12/2004	Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn
01/2005 – 05/2009	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
06/2009 – 01/2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn kiêm nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải TP.HCM
01/2011 – 18/08/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
17/02/2014 - 18/08/2016	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn
19/08/2016 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không



Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên HĐQT
Năm sinh	1978
Địa chỉ	B603 chung cư River Garden, 170 Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, quận 02, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Đại diện phần vốn	0 cổ phần

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
2003 – 2006	Chuyên viên tư vấn - Công ty Quản trị Tiên Phong
2006 - 2008	Trưởng VP đại diện Hà Nội- Cty CP CK Đại Việt
2010 - 2012	Phó giám đốc chi nhánh TP.HCM- Cty CP CK An Phát
2014 - nay	Giám đốc đầu tư- Cty CP Tập đoàn Tân Thành Đô
09/04/2018-nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc đầu tư- Cty CP Tập đoàn Tân Thành Đô

Ông Trần Lâm	Thành viên HĐQT
Năm sinh	1983
Địa chỉ	57 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Đại diện phần vốn	0 cổ phần

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
2007 – 2010	Giám đốc bán hàng Đại lý City Ford - Tập đoàn Tân Thành Đô
2009 – 2010	Tổng Giám đốc Đại lý Ford, Ford Phú Mỹ - Phát triển kinh doanh -Tập đoàn Tân Thành Đô
2010 – 2013	Tổng Giám đốc Land Rover Việt Nam
2013 – 2015	Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Tân Thành Đô
2015 - nay	Tổng Giám đốc Volkswagen Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô.
Tổng Giám đốc Volkswagen Việt Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không



## Ban Điều hành

Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ
Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Lệ Thu	Kế toán trưởng, người ủy quyền công bố thông tin

Sơ yếu lý lịch ông Đoàn Minh Tâm, ông Nguyễn Tuấn Việt và ông Nguyễn Hồ Minh vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh	1976
Địa chỉ	20 Đường số 9 Hoàng Hoa Thám, P.13, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tổ chức và Quản lý Vận tải
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	206.200 cổ phần, tương ứng với 0,34% VĐL Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1999 – 2003	Cán bộ Công ty Quang Hưng
2003 – 2004	Chuyên viên Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn
3/2004 – 9/2004	Phó Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn
10/2004 – 8/2013	Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn
9/2013 – 18/08/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn
19/08/2016 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không



Bà Phạm Thị Lệ Thu	Kế toán trưởng
Năm sinh	1977
Địa chỉ	460/1 Kênh Nước Đen, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	101.600 cổ phần, tương ứng với 0,17% VĐL Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1999 – 2006	Chuyên viên Phòng Tài Chính Kế toán Công Ty Xe Khách Sài Gòn
2006 – 2014	Phó phòng Tài Chính Kế Toán Công Ty Xe Khách Sài Gòn
2015 - 18/08/2016	Kế Toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn
19/08/2016 - nay	Kế Toán trưởng Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không



## Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ
Ông Nim Vuồn Phu	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/04/2018)
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 09/04/2018)
Bà Huỳnh Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát

### Ông Nguyễn Quốc Soạn

### Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1957
Địa chỉ	37 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán, Cử nhân Luật
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 1976- 2/1978	Học trường Trung học Tài chính Kế toán II- Hà Bắc
Từ 3/1978- 12/1979	Tốt nghiệp Trung học Tài chính được Bộ Tài chính phân công vào TP.Hồ Chí Minh làm công tác đối tiền tại Phường 8, Quận 5, TP.HCM; Hết đợt đối tiền sau đó tiếp tục làm công tác cải tiến thương nghiệp vật tư thuộc Đoàn cải tiến của Bộ Tài chính.
Từ 1980 - 1986	Công tác tại Vụ thuế công thương nghiệp thuộc Bộ Tài chính.
Từ 1987 - 1990	Công tác tại Cục thuế công thương nghiệp thuộc Bộ Tài chính.
Từ 1990 - 1996	Công tác tại Tổng cục Thuế tại các tỉnh phía nam thuộc Bộ Tài Chính
Từ 1997 - 12/2017	Công tác tại Tổng cục Thuế tại các tỉnh phía nam, giữ chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra Tổng cục Thuế.
Từ 01/2018 - 03/2018	Công tác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô
09/04/2018-nay	Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không

### Bà Huỳnh Thị Hạnh

### Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1970
Địa chỉ	177/15 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 7, Quận 5, Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Đại học
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1993 – 1995	Kế toán Công ty TNHH Chế biến gỗ Đăng Quang
1995 – 2007	Nhân viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn
2008 – 2016	Trưởng Phòng Kế toán Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành
01/07/2016 - Nay	Phó Giám đốc Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH Một Thành viên
19/08/2016 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Giám đốc Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV

### Bà Trần Thị Kim Hoa

### Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1990
Địa chỉ	17/13 Trương Công Định, Phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đak Lak
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	200 cổ phần, tương ứng với 0,0003% VDL Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
2013 – 8/2016	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH một thành viên Xe khách Sài Gòn
8/2016 - nay	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không



## Những thay đổi trong Ban Điều hành

Trong năm qua, Công ty không có sự thay đổi nào.

## Tình hình nhân sự và chính sách với người lao động

STT	Tính chất phân loại	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ trọng 2018
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>1.278</b>	<b>...</b>	<b>...</b>
1	Trình độ trên Đại học	13	13	1,03
2	Trình độ Đại học	160	151	11,99
3	Trình độ Cao đẳng	47	36	2,86
4	Trình độ Trung cấp	57	47	3,73
5	Tốt nghiệp THPT	533	605	48,05
6	Chưa tốt nghiệp THPT	468	407	32,33
<b>B</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>1.278</b>	<b>...</b>	<b>...</b>
1	Nam	1.006	984	78,16
2	Nữ	272	275	21,84
<b>C</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>1.278</b>	<b>...</b>	<b>...</b>
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	-	4	0,32
2	Hợp đồng không thời hạn	851	822	65,29
3	Hợp đồng thời hạn từ 01 – 03 năm	129	399	31,69
4	Hợp đồng dưới 01 năm	298	34	2,70

## Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

STT	Năm	Mức lương bình quân (Đồng/người/tháng)
1	2015	8.535.707
2	2016	9.210.000
3	2017	9.550.000
4	2018	9.720.000

## Chính sách người lao động

Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Theo quy chế tuyển dụng và đào tạo của Công ty

- Tiền lương, tiền thưởng: Theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty nhưng đảm bảo phù hợp với quy

định của pháp luật, quyền và lợi ích của người lao động;

- Các chế độ làm thêm giờ, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, ốm đau, thai sản: Theo tình hình, đặc điểm sản

xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật;

- Thời gian làm việc: Bộ phận văn phòng 48 giờ/tuần; Bộ phận trực tiếp sản xuất làm việc theo ca;

- Điều kiện làm việc của người lao động: Theo tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và

đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động, phù hợp quy định pháp luật;

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định pháp luật;

- Tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động và đóng Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước.





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

**SaigonBus**<sup>®</sup>

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu







## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

### Đầu tư phương tiện

STT	Loại hình hoạt động	ĐVT	Nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Buýt	Tỷ đồng	60,5	0	0%
2	Hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	100,668	8,656	9%

Đối với hoạt động xe buýt chỉ thực hiện đầu tư khi có sự chấp thuận của cơ quan chức năng. Đối với xe kinh doanh dịch vụ chỉ thực hiện đầu tư khi có nhu cầu của khách hàng hoặc trúng thầu.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty sẽ triển khai đầu tư thay thế xe tuyến 30. Nhưng do Đề án 1.680 giai đoạn 2014 – 2017 đã hết hiệu lực, các Sở ngành chức năng đang trình Ủy ban nhân dân thành phố gia hạn Đề án 1.680 đến năm 2020 nên Công ty chưa triển khai thay xe trên tuyến này là hết sức cấp thiết, vì vậy Công ty đã triển khai các thủ tục xin chủ trương đầu tư trước trong khi chờ Đề án 1.680 giai đoạn 2014 – 2017 được gia hạn đến năm 2020.

Ngày 01/03/2019 Sở Tài chính đã có văn bản số 1230/STC – ĐTSC về việc cơ chế ưu đãi đầu tư xe buýt mới sử dụng nhiên liệu sạch CNG hoạt động trên tuyến xe buýt có trợ giá số 30. Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở GTVT khẩn trương hoàn chỉnh Đề án xe buýt giai đoạn 2018 – 2020.



### Đầu tư xe cho hoạt động dịch vụ

Công ty đã triển khai đầu tư xe hoạt động đưa rước nhân viên theo yêu cầu của khách hàng và sau khi trúng thầu, đảm bảo thu hồi vốn sau 05 năm và có lãi. Cụ thể như sau:

STT	Loại xe đầu tư	Số lượng (xe)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) (Đã bao gồm VAT)	Khách hàng
1	Toyota Camry 2.5Q	01	1257	Công ty TNHH một thành viên Thuốc lá Sài Gòn
2	Samco Isuzu 29 chỗ	02	3156	Công ty Intel Products Việt Nam
3	Ford Transit Luxury 16 chỗ	03	2667	Xí nghiệp cơ khí ô tô chuyên dùng An Lạc – Tổng Công ty SAMCO
4	Samco Isuzu 29 chỗ	01	1576	
	Tổng	07	8656	

Hình thức mua sắm: theo nội dung bằng văn bản của khách hàng có yêu cầu cụ thể về chủng loại phương tiện. Do đó Công ty chỉ thu thập 03 bảng báo giá 03 đại lý cung cấp để làm cơ sở lựa chọn ký kết hợp đồng mua xe.

Về nguồn vốn đầu tư: Vay thương mại 95% và Vốn chủ sở hữu 5%.

TT	Nội dung đầu tư	Tổng mức	Nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Toyota Camry 2.5Q	1.257.000.000	1.194.000.000	62.850.000	24 tháng
2	Samco Isuzu 29 chỗ	3.156.000.000	2.998.200.000	157.800.000	24 tháng
3	Ford Transit Luxury 16 chỗ	2.667.000.000	2.533.650.000	133.350.000	24 tháng
4	Samco Isuzu 29 chỗ	1.576.000.000	1.497.200.000	78.800.000	24 tháng
	Tổng	8.656.000.000	8.223.200.000	432.800.000	-



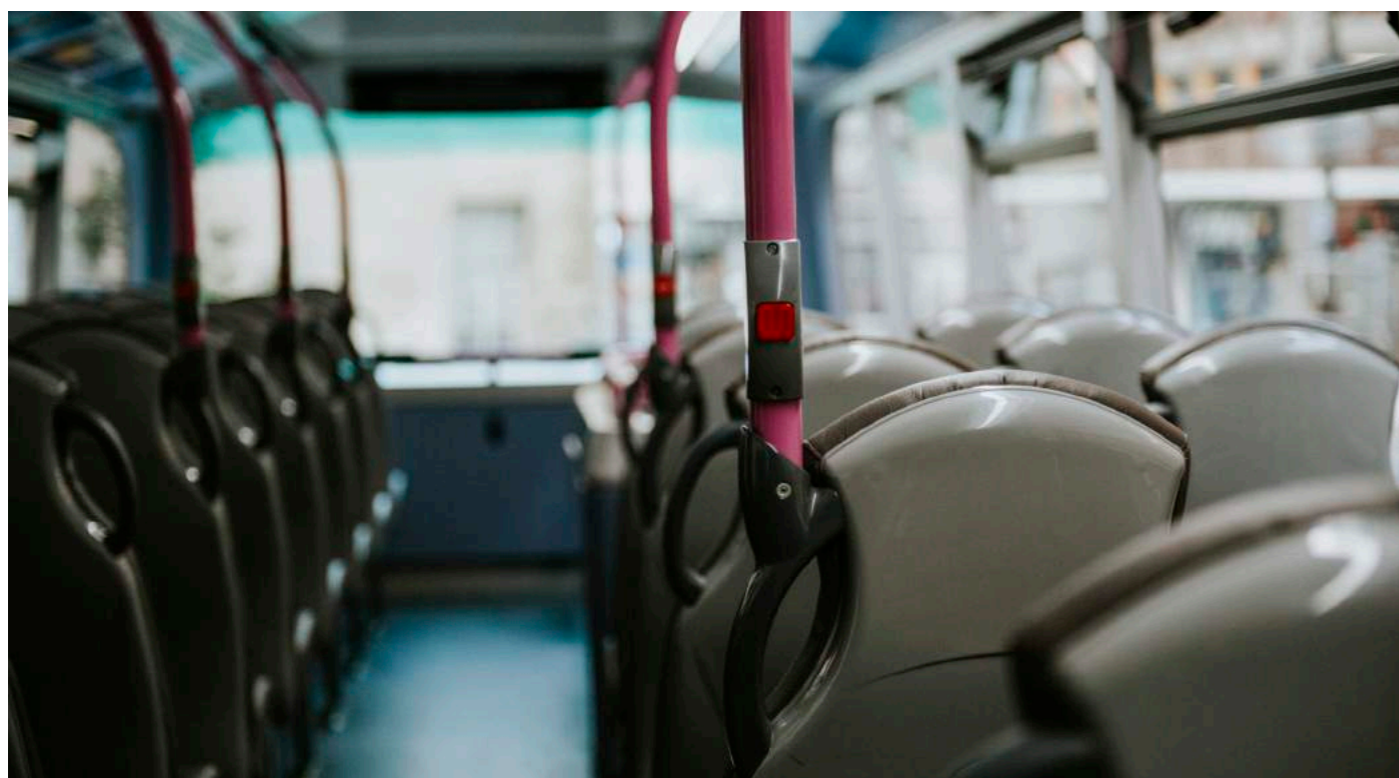
## Đầu tư dự án

Về hồ sơ đấu nối giao thông: Sau khi được Sở Giao thông Vận tải chấp thuận phương án đấu nối giao thông (theo nội dung công ty trình ngày 15/01/2019), hồ sơ sẽ được nộp cho Ủy ban nhân dân quận Tân Bình để tập hợp trình sở Quy hoạch Kiến trúc hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/2000.

Về điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/2000: Hiện nay đang chờ Ủy ban nhân dân quận Tân Bình hoàn thiện hồ sơ nộp Sở Quy hoạch Kiến trúc và trình Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/2000 đối với khu đất số 592 Cộng Hòa.

Ngày 12/11/2018, Tổ Công tác có Tờ trình số 05/TTr-TCT đề xuất Hội đồng quản trị chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc khu đất số 01 Phạm Hồng Thái, P.2, Q. Tân Bình.

Theo ý kiến của Tổ Công tác tại Báo cáo số 06/BC-TCT ngày 31/12/2018: Do tình hình của thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có nhiều vấn đề phức tạp về phê duyệt các dự án bất động sản, nên Tổ Công tác sẽ báo cáo cụ thể về phương án triển khai dự án này.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2017	2018	% Tăng giảm
Tổng tài sản	956.819.996.951	875.775.768.333	-8,47%
Doanh thu thuần	564.447.384.686	628.936.414.559	11,43%
Lợi nhuận từ HĐKD	963.541.349	-51.535.232.500	-
Lợi nhuận khác	4.940.266.608	14.127.942.478	185,98%
Lợi nhuận trước thuế	5.065.809.472	-37.407.290.022	-
Lợi nhuận sau thuế	3.968.743.522	-37.407.290.022	-

Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018
--------------	-----	------	------

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,72	1,93
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,47	1,60

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,97%	33,94%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	53,78%	51,37%

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,72	14,48
Vòng quay tài sản	Vòng	0,63	0,69

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,70%	-5,95%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,64%	-6,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,44%	-4,08%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	0,02%	-8,19%

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ số này của Công ty tăng lên từ 1,72 lên 1,93 lần do nợ ngắn hạn của Công ty có sự sụt giảm lớn. Chỉ số cho thấy rằng các khoản nợ của Công ty có thể đảm bảo bằng tài sản ngắn hạn. Từ đó đảm bảo tính thanh khoản trong quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh cũng cao hơn năm trước chứng tỏ Công ty có chính sách quản trị hàng tồn kho hiệu quả hơn, đảm bảo khả năng tài chính của BSG.



### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Thay đổi theo hướng tích cực khi nợ phải trả giảm đi đáng kể trong kỳ do Công ty đã hoàn thành các khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định. Áp lực từ nợ vay của BSG đang dần được giảm nhẹ. Từ đó hệ số đòn bẩy của Công ty cũng giảm từ 55,78% còn 51,37%. Cho thấy Công ty đang có chính sách điều chỉnh việc sử dụng đòn bẩy sao cho hiệu quả hơn.

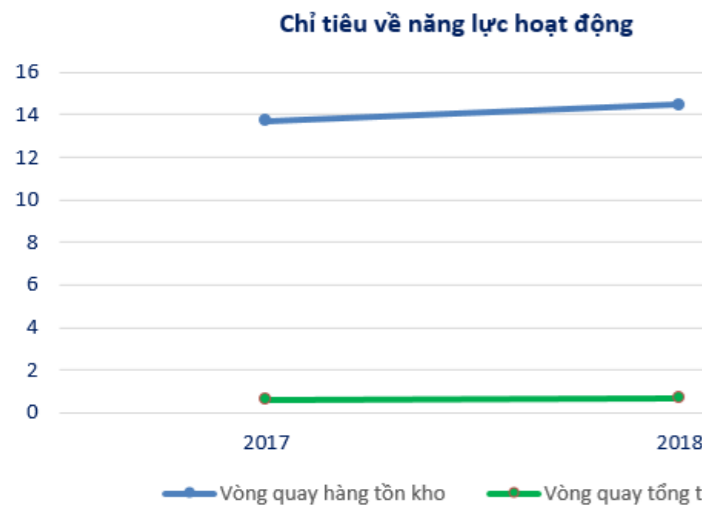




## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

so với kỳ trước giảm đi, nguyên nhân chủ yếu do sự chênh lệch giữa các kỳ so sánh, với khoảng thời gian hoạt động cuối năm chỉ hơn bốn tháng nên giá vốn hàng bán được ghi nhận và doanh thu thuần mang lại đã giảm đi đáng kể làm các chỉ số phản ánh năng lực hoạt động đã sụt giảm. Tương tự với tình hình diễn biến của doanh thu, giá vốn thì lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cũng đã giảm đi đáng kể từ đó làm các chỉ số khả năng sinh lời cũng đã có sự sụt giảm.



### Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Mặc dù doanh thu năm 2018 của Công ty tăng 11% nhưng việc bị động trong giá vốn và kiểm soát không tốt chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đã khiến cho khả năng sinh lời của công ty kém hơn so với năm 2017. Kết thúc năm tài chính tỉ số ROS, ROE và ROA đều âm do lợi nhuận sau thuế của Công ty mang giá trị âm.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

Cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	: 60.000.000 cổ phần
Cổ phần phổ thông đã phát hành	: 60.000.000 cổ phần
Cổ phần ưu đãi	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	: 60.000.000 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	: 20.000 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nhà nước	01	29.400.000	49
2	Cổ đông trong nước	525	60.000.000	100
+	Tổ chức	3	43.897.400	73,16
+	Cá nhân	531	16.102.600	26,84
3	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0	0

### Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	%VDL
1	Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên (SAMCO)	29.400.000	49,00%
2	Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	14.427.400	24,05%
3	Phạm Anh Hưng	9.000.000	15,00%
4	Nguyễn Văn Thành	4.500.000	7,50%

Trong năm, Công ty không có thay đổi về vốn đầu tư chủ sở hữu cũng như các giao dịch cổ phiếu quỹ.

# BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**SaigonBus**<sup>®</sup>

- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến của kiểm toán viên
- Kế hoạch phát triển trong tương lai





## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	584.843	645.045	110,29%
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	600.000	600.000	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.066	-37.407	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.969	-37.407	
5	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%			-
6	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%			-

Mặc dù doanh thu vượt kế hoạch và tăng hơn 10,29% so với cùng kỳ nhưng do hoạt động buýt lỗ nặng, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh dịch vụ không đủ bù đắp nên kết quả toàn Công ty vẫn lỗ hơn 37,4 tỷ đồng. Nguyên nhân chính do trợ giá cho xe buýt thiếu hụt trong khi các chi phí khác đều tăng. Cụ thể:

Chi phí vật tư tăng so với cùng kỳ do tăng chuyển và do đến thời kỳ phải thay vật tư (như vỏ ruột, bình điện năm 2017 chưa phải thay). Ngoài ra, do số xe đầu tư từ cuối năm 2016 đã đến thời kỳ sửa chữa, xe CNG nhập khẩu năm 2011 đã đến thời kỳ đại tu và vật tư cho loại xe này hiện nay phải nhập khẩu chính hãng từ nhà cung cấp có giá thành cao.

Chi phí tiền lương và các chi phí theo lương (BHXH, Y tế, BHTN, CĐ) cho bộ phận lao động trực tiếp (lái xe, tiếp viên) tăng do tăng chuyển và Công ty phải bố trí tiếp viên yêu cầu của Sở GTVT.

Chi phí thuế VAT không được khấu trừ tăng do giá nhiên liệu tăng. Tiền thuê đất tăng do đơn giá thuê đất tăng.



Chi phí khấu hao tăng so với 2017 do cuối năm 2017, Sở GTVT yêu cầu đầu tư thay mới xe trên 2 tuyến 45, 148 (34 xe CNG B51) và bổ sung 5 xe CNG H68 cho 2 tuyến 27, 93

Để khắc phục những tồn tại và vượt qua thách thức HĐQT và Ban điều hành đã triển khai nhiều giải pháp như:

Tháng 05/2018 Công ty đã triển khai hệ thống máy in vé trên toàn bộ 25 tuyến buýt có trợ giá

Ký hợp đồng thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá năm 2018 với Trung Tâm.

Đầu tư mới 01 xe Toyota Camry 05 chỗ, 03 xe Ford Transit 16 chỗ, 3 xe Samco 30 chỗ để thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ đưa rước CNV cho các khách hàng.

Công ty đã được Sở GTVT chấp thuận phương án đầu tư 21 xe CNG H86 trên tuyến buýt số 30. Hiện Công ty đang làm thủ tục xin hỗ trợ lãi suất cho vay.



Để giảm lỗ, Công ty đã giảm định mức tiêu hao nhiên liệu từ 1 đến 1,5 lit/100km và tăng định ngạch bảo dưỡng lên 12.000 km đối với xe mới. Đồng thời tiếp tục tái cấu trúc mạnh các hoạt động, giảm lao động gián tiếp, gắn tiền lương với lợi nhuận đối với các hoạt động dịch vụ, giảm lương 20% đối với cấp Trưởng các đơn vị, riêng Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng giảm lương 20% từ tháng 1 đến tháng 10 và giảm 50% 2 tháng cuối năm. Ngoài ra, Công ty đã tạm ngưng tổ chức tham quan nghỉ mát cho cán bộ quản lý trong năm 2018. Tiếp tục kiên trì đề nghị giảm chuyển và ngưng hoạt động các tuyến buýt lỗ lớn, đề nghị bỏ tiếp viên trên 11 tuyến bán vé tự động còn lại và đề nghị bỏ nhân viên điều hành đầu bến (vì hiện Công ty đang áp dụng công nghệ trong quản lý và vận hành xe buýt, việc duy trì tiếp viên và nhân viên điều hành đầu bến là không cần thiết). Những nội dung đề nghị của Công ty cơ bản được lãnh đạo Sở GTVT và Trung tâm ủng hộ, tuy nhiên còn đang chờ điều chỉnh Quyết định 20/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố.



## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đối với các dự án bến bãi, hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục trình các cơ quan chức năng về phương án đầu tư xây dựng bãi đậu xe tĩnh kết hợp các loại hình khác tại các khu đất nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng bãi đậu xe tĩnh tại số 01 Phạm Hồng Thái: Về những nội dung vướng mắc liên quan đến việc điều chỉnh công năng sử dụng của khu đất, Công ty đang tiếp tục làm việc với Ủy ban nhân dân quận Tân Bình để tìm kiếm sự đồng thuận với chủ trương triển khai đầu tư Bãi đỗ xe tĩnh cao tầng kết hợp thương mại – dịch vụ, văn phòng tại khu đất, làm cơ sở cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc và sớm triển khai dự án.

Dự án đầu tư xây dựng tại số 592 Cộng Hòa: Việc điều chỉnh quy hoạch đã được sự thống nhất của UBND Quận Tân Bình, Sở Giáo dục – Đào tạo, đã lấy ý kiến chấp thuận của cộng đồng dân cư tại địa bàn và hiện đang được Sở Quy hoạch kiến trúc tập hợp trình UBND thành phố xem xét điều chỉnh quy hoạch; theo tiến độ kế hoạch do Tổ dự án dự kiến đến hết Quý I sẽ hoàn tất công tác điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/2.000, đến hết tháng 6/2019 hoàn tất thỏa thuận tổng mặt bằng 1/500 với các Sở Ngành và dự kiến đầu tháng 12/2019 sẽ tiến hành khởi công.



Dự án đầu tư xây dựng bãi đậu xe tĩnh tại số 343/20 Lạc Long Quân

Công ty đang tiếp tục làm việc để có sự đồng thuận của Ủy ban nhân dân quận 11 và Sở Quy hoạch – Kiến trúc với phương án đầu tư xây dựng nhà để xe tĩnh kết hợp khối thương mại dịch vụ, văn phòng, căn hộ để có cơ sở trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận.



Về việc làm sổ đỏ, triển khai ký Hợp đồng thuê đất và nộp tiền thuê đất cho Nhà nước. Công ty đã hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu từ tháng 04/2017 nhưng cho đến nay mới chỉ có mặt bằng bãi xe Bắc Việt đã ký Hợp đồng thuê đất; mặt bằng 39 HTLÔ, 592 Cộng Hòa đã hoàn tất dự thảo Hợp đồng thuê đất từ tháng 11/2018 nhưng Sở TNMT chưa ký; các mặt bằng còn lại do có giá trị trên 30 tỷ nên phải thông qua thủ tục đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm định giá, Sở TNMT đã đăng báo mời lần 1 nhưng không có đơn vị nào tham gia và đang hoàn tất thủ tục để mời lần 2.

Về mục đích sử dụng đất, căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND thành phố, Công ty đã đăng ký làm sổ đỏ và nộp tiền thuê đất với mục đích sử dụng đất là đất thương mại dịch vụ để thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh và dự án sau này tránh việc xin bổ sung điều chỉnh mục đích sử dụng đất, mặc dù điều này khiến giá trị tiền thuê đất phải nộp cao hơn; riêng diện tích đất đang đậu xe buýt Công ty đang hoàn tất thủ tục xin miễn tiền thuê đất, mới chỉ có bãi xe Bắc Việt được chấp thuận, các bãi xe còn lại đang chờ đơn giá thuê đất để có cơ sở xin miễn



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2017	2018	% Tăng, giảm
Tài sản	956.819.996.951	875.775.768.333	-8,47%
Tài sản ngắn hạn	297.676.602.854	237.767.108.888	-20,13%
Tài sản dài hạn	659.143.394.097	638.008.659.445	-3,21%
Nguồn vốn	956.819.996.951	875.775.768.333	9,25%
Nợ ngắn hạn	172.992.958.565	123.186.646.584	-28,79%
Nợ dài hạn	161.645.772.217	174.021.015.317	7,66%
Vốn chủ sở hữu	622.181.266.169	578.568.106.432	7,54%

Cơ cấu tài sản  
ĐV: %



### Tình hình tài sản

Tài sản đã có sự sụt giảm 8,47% so với năm trước, trong đó tài sản ngắn hạn giảm đến 20,13%. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng không lớn trong cơ cấu tổng tài sản nên sự sụt giảm của khoản mục này không ảnh hưởng nhiều đến tổng tài sản. Trái lại, tài sản Công ty chiếm tỷ trọng lớn là tài sản dài hạn đến 72,85% trong năm 2018 do đặc thù của ngành cần nhiều phương tiện vận tải như xe buýt, xe đưa đón,... hoạt động cho nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng.



Tài sản ngắn hạn tuy không lớn nhưng sự giảm sút tổng tài sản năm nay lại đến từ tiền và các khoản tương đương tiền. Năm qua doanh thu tăng trưởng 11% nhưng kèm theo đó là sự tăng trưởng của các khoản phải thu, cho thấy tiền mặt về công ty không nhiều nhưng các khoản chi phí như giá vốn, bán hàng và quản lý doanh nghiệp lại phải trả liền khiến cho tổng tài sản của Công ty giảm sút.

### Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn

Cơ cấu vốn chủ Công ty chủ yếu được tài trợ từ nguồn vốn chủ sở hữu chiếm đến 66,06% trong năm 2018. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu ngày càng tăng qua các năm cho thấy Công ty đang gia tăng tiềm lực tài chính. Bên cạnh đó, BSG vẫn sử dụng đòn bẩy để gia tăng doanh thu.

Trong năm qua, nợ ngắn hạn của Công ty có xu hướng giảm 28,79% so với năm trước do Công ty đã hoàn thành các khoản phải trả cho người bán cũng như các nghĩa vụ về Thuế cho Nhà nước. Ngược lại, Công ty lại gia tăng các khoản vay dài hạn để tài trợ cho các tài sản dài hạn tương ứng, phục vụ cho quá trình hoạt động Công ty.

Tuy nhiên nợ vay ngắn hạn lại tăng, do dòng tiền kinh doanh bất lợi nên công ty phải vay thêm nợ ngắn hạn để bổ sung cho vốn lưu động. Nợ vay dài hạn của Công ty tăng 4 tỷ đồng chủ yếu để phục vụ cho nhu cầu mở rộng đội xe của Công ty.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Thực hiện tái cấu trúc theo Nghị quyết của HĐQT trên cơ sở cơ cấu lại các lĩnh vực hoạt động về quản trị nhân sự, về quản lý điều hành, sắp xếp hợp lý hóa mô hình tổ chức, tiết giảm đầu mối quản lý trung gian, chuẩn hóa các chức danh và công việc của từng cá nhân, xây dựng và triển khai quy chế quản lý công việc. Điều chỉnh quy chế trả lương gắn với hiệu quả công việc.

Từng bước xây dựng và hoàn thiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực; trong đó, chú trọng đến công tác quy hoạch nhân sự từ đó tiếp tục bồi dưỡng đào tạo, phát triển để bổ sung cho đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty. Tiếp tục thực hiện việc quản lý thắt chặt tài chính, tiết kiệm chi phí quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất.

Triển khai công tác xây dựng các phần mềm quản trị quản lý nhân sự, kế toán giúp cho việc quản lý, điều hành được thuận tiện, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và điều hành sản xuất, chú trọng đầu tư công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ. Đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp; giữ vững và phát triển thương hiệu SaigonBus trên thị trường.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Hòa chung với sự tăng trưởng của nền kinh tế, năm 2019 kinh hứa hẹn có tốc độ tăng trưởng tích cực, nền kinh tế dần được phục hồi và đi vào phát triển ổn định.

UBND thành phố đã có Quyết định số 6068/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về công bố Bộ định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2019. Trên cơ sở đó, Sở GTVT đang trình duyệt Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Sản lượng hành khách toàn mạng đang trên đà giảm sút, trong khi theo yêu cầu của Sở GTVT và Trung tâm phải đầu tư thay thế xe buýt mới và đầu tư các trang thiết bị công nghệ dẫn đến chi phí vận hành khai thác tăng.



Trong hoạt động Vận tải dịch vụ, du lịch – lữ hành, Công ty sẽ gặp phải sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường. Việc tiếp tục giữ vững khách hàng và phát triển thị trường ngày càng trở nên khó khăn, đòi hỏi cần có chiến lược đầu tư đổi mới phương tiện, nâng cao chất lượng dịch vụ một cách nhanh chóng và phù hợp.

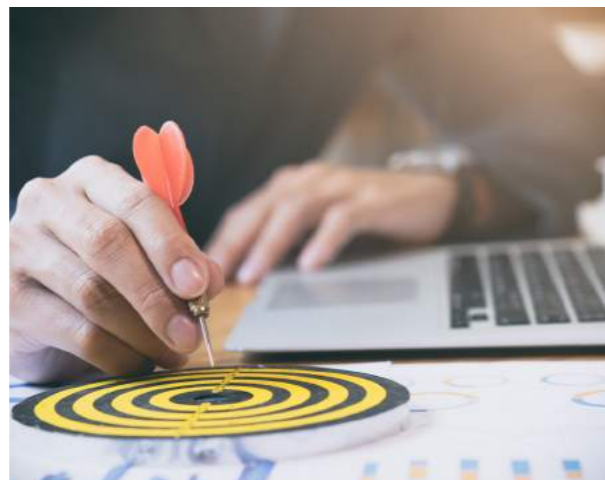


### Các chỉ tiêu năm 2019

Tổng Doanh thu: 683,67 tỷ đồng. (Tăng 6,0% so với ước thực hiện năm 2018)

Lợi nhuận trước thuế: 14,4 tỷ đồng.

\*Ghi chú: doanh thu trợ giá được xây dựng trên cơ sở bộ định mức UBND thành phố mới ban hành và bộ đơn giá đang được trình UBND thành phố phê duyệt với mức khoán sản lượng đặt hành tăng không quá 30% so với sản lượng thực tế.



### Nhiệm vụ trọng tâm

#### Về hoạt động xe buýt

Rà soát, điều chỉnh lại hoạt động của các tuyến theo từng thời điểm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua các công tác điều chỉnh biểu đồ giờ, đề xuất điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp



Hoàn thiện các đề án ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thu hút người dân tham gia đi lại bằng xe buýt; trong đó tập trung triển khai có hiệu quả hệ thống bán vé tự động làm cơ sở triển khai mở rộng cho toàn mạng theo chỉ đạo của Sở GTVT để tiến tới việc không sử dụng nhân viên điều hành đầu bến, nhân viên phục vụ xe buýt, đồng thời thực hiện việc kiểm tra đối soát sản lượng, doanh thu qua phần mềm trực tuyến và thực hiện lệnh vận chuyển điện tử thay thế lệnh vận chuyển bằng giấy như hiện nay.

#### Về hoạt động dịch vụ

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ. Chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút và mở rộng thị phần đối tượng khách hàng trung, cao cấp trên lĩnh vực đưa rước công nhân, liên vận quốc tế.

Tập trung đẩy mạnh và phát triển thương hiệu có uy tín trên lĩnh vực kinh doanh du lịch lữ hành và bán vé máy bay.

Mở rộng các loại hình kinh doanh dịch vụ thương mại để giảm dần sự lệ thuộc vào trợ giá cho xe buýt của Nhà nước.

#### Về công tác quản lý, điều hành Công ty

Thực hiện tái cấu trúc theo Nghị quyết của HĐQT trên cơ sở cơ cấu lại các lĩnh vực hoạt động về quản trị nhân sự, về quản lý điều hành, sắp xếp hợp lý hóa mô hình tổ chức, tiết giảm đầu mối quản lý trung gian, chuẩn hóa các chức danh và công việc của từng cá nhân, xây dựng và triển khai quy chế quản lý công việc. Điều chỉnh quy chế trả lương gắn với hiệu quả công việc.

Từng bước xây dựng và hoàn thiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực; trong đó, chú trọng đến công tác quy hoạch nhân sự từ đó tiếp tục bồi dưỡng đào tạo, phát triển để bổ sung cho đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty.

Triển khai công tác xây dựng các phần mềm quản trị quản lý nhân sự, kế toán giúp cho việc quản lý, điều hành được thuận tiện, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí.

Tiếp tục thực hiện việc quản lý chặt chẽ tài chính, tiết kiệm chi phí quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và điều hành sản xuất, chú trọng đầu tư công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp; giữ vững và phát triển thương hiệu SaigonBus trên thị trường

### Về công tác đầu tư

**Đầu tư phương tiện:** Trong năm 2019, Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới phương tiện trên tuyến 30 theo kế hoạch năm 2018 đã được HĐQT thông qua và theo yêu cầu của Sở GTVT, Trường Đại học Quốc Tế. Đồng thời, sẽ tiếp tục đầu tư các tuyến còn lại theo yêu cầu của Sở GTVT và tùy theo tình hình trợ giá cho xe buýt năm 2019. Riêng các hoạt động dịch vụ chỉ đầu tư khi trúng thầu hoặc khi có nhu cầu của khách hàng trên cơ sở đảm bảo việc đầu tư đem lại hiệu quả

**Đầu tư bến bãi:** Tiếp tục triển khai dự án đầu tư 592 Cộng Hòa và các dự án bến bãi còn lại theo đúng tiến độ dự kiến do Tổ dự án xây dựng.

### Các công tác khác

Tích cực đeo bám các Sở Ngành để đẩy nhanh tiến độ: Hoàn tất công tác quyết toán chuyển thể; Hoàn tất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và hợp đồng thuê đất đối với các mặt bằng của Công ty;

Hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty theo các quy định mới của pháp luật.



Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty và đưa ra ý kiến ngoại trừ do BSG chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị là 2.028.500.000 VND. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, nếu phản ánh theo giá trị hợp lý thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng 2.028.500.000 VND và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi tương ứng là 2.028.500.000 VND. Ban Tổng Giám đốc sẽ xem xét chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ liên quan, chuẩn hóa lại cách thức hạch toán cụ thể đối với vấn đề nêu trên.





# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**SaigonBus**<sup>®</sup>

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	614.668	645.045	104,9%
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	600.000	600.000	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	16.779	-37.407	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	13.423	-37.407	

Trong năm qua dù Ban Giám đốc đã cố gắng hoàn thành kế hoạch doanh thu 104,9% tăng trưởng 11% . Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty còn nhiều bất cập xuất phát từ yếu tố chủ quan lẫn khách quan. Trong giai đoạn tới, hoạt động của Công ty có thể vẫn sẽ gặp nhiều khó khăn khi mà cơ chế định giá vé xe còn thiếu linh hoạt, không bắt kịp biến động chi phí đầu vào.

### Thuận lợi

Tình hình Công ty vẫn duy trì ổn định việc đầu tư phương tiện mới, tiếp tục nâng cấp các hệ thống kiểm soát, vận hành xe buýt như camera online, hệ thống bán vé tự động và việc điều chỉnh kịp thời phương án trả lương gắn với hiệu quả kinh doanh đã góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát doanh thu, kích thích người lao động nâng cao năng suất khắc phục tình trạng khó tuyển dụng lao động nhất là lái xe; chặn đà suy giảm doanh thu xe buýt.



### Khó khăn

Năm 2018, tình hình Thành phố có nhiều biến động, các cơ quan Sở ngành phải tập trung xử lý nhiều vấn đề sau kết luận của Thanh tra Chính Phủ và Kiểm Toán Nhà Nước dẫn đến việc nhiều chủ trương lớn của Công ty quá trình thẩm định hồ sơ kéo dài đến nay vẫn chưa hoàn tất như: dự án đầu tư bãi đậu xe cao tầng kết hợp thương mại, dịch vụ tại 592 Cộng Hòa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại các mặt bằng của Công ty; việc quyết toán chuyển thể giai đoạn nhà nước.



Về xe buýt, đây là năm đầu tiên các đơn vị xe buýt nói chung và Công ty nói riêng hoàn toàn bị động, phải hoạt động với số chuyến cao hơn nhiều so với năm 2017 và với thỏa thuận ban đầu tiền trợ giá không thấp hơn trợ giá bình quân chuyến năm 2017. Tuy nhiên, đến cuối tháng 9/2018 các đơn vị mới biết tiền trợ giá chỉ đủ hoạt động đến hết tháng 9 và chỉ nhận được khoảng 30% cho 3 tháng cuối năm. Riêng Công ty bị thiếu hụt hơn 84,4 tỷ đồng so với dự kiến nhận được đầu năm, nhiều đơn vị xe buýt đã tự ý bỏ chuyến, bỏ tuyến; để giảm lỗ, Công ty cũng đã đề nghị tạm ngưng hoạt động 5 tuyến xe cũ (tuyến 39, 91, 95, 50, 52) nhưng đến ngày 25/12/2018 mới được phép ngưng tuyến 95 và các tuyến còn lại không được giải quyết. Ngoài ra, năm 2018 giá nhiên liệu tăng đột biến vào những tháng cuối năm làm chi phí tăng cao trong khi doanh thu từ trợ giá giảm nghiêm trọng dẫn đến hoạt động SXKD không hiệu quả, thua lỗ.

Để vượt qua những khó khăn, thách thức và trên cơ sở tuân thủ điều lệ, các quy định hiện hành, trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã ban hành 30 nghị quyết, quyết định nhằm sớm củng cố, ổn định bộ máy tổ chức điều hành và triển khai các giải pháp khắc phục khó khăn. Kết quả các hoạt động kinh doanh dịch vụ vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định như hoạt động đưa rước công nhân; du lịch lữ hành; bán vé máy bay; đào tạo dạy nghề; kinh doanh nhiên liệu; tuyến liên vận quốc tế Kampuchia. Riêng hoạt động buýt chặn được đà suy giảm sản lượng và doanh thu bán vé (toàn công ty doanh thu bán vé giảm 3,3%, thấp hơn nhiều so với toàn mạng giảm hơn 14%).



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Với những kết quả đạt được trong năm qua, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực phối hợp thực hiện chắc chắn, hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty được thực hiện một cách tốt nhất, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc và bộ máy làm việc.



Luôn kiểm tra về chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đồng thời đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, kiểm tra năng suất và kết quả kinh doanh. Luôn thực hiện tốt các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.



Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên, liên tục kiểm tra các hoạt động về công tác tài chính, kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị trực thuộc. Đồng thời, xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kiểm soát các chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.



Mặc dù, trong năm qua tình hình hoạt động của Công ty chưa đạt như kế hoạch, lợi nhuận trong năm nay còn âm nhưng Ban Tổng giám đốc vẫn thực hiện đúng với các điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định liên quan. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong các công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đúng với tinh thần mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã định hướng. Công ty mới chuyển qua Công ty cổ phần hóa, do đó các kế hoạch về cơ cấu và điều hành của BSG sẽ gặp một chút khó khăn hơn, do đó Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục phát huy được tinh thần trách nhiệm, duy trì được sự nhiệt huyết trong công tác điều hành từ đó giúp công ty chinh phục những thành công mới trong quá trình hoạt động của mình.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Chỉ tiêu	ĐV	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	683.670
2	Tổng chi phí, trong đó:	Triệu đồng	669.270
a	Quỹ lương thực hiện của Người lao động	Triệu đồng	165.000
b	Quỹ lương, thù lao của Ban Điều Hành	Triệu đồng	3.384
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	Triệu đồng	14.400

(\*) Lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm lãi/lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản (nếu có).

Năm 2019, tình hình kinh tế Thành phố sẽ có nhiều bước phát triển đi lên là điều kiện thuận lợi để Công ty triển khai các dự án bến bãi và hoạt động kinh doanh dịch vụ; riêng hoạt động buýt Bộ định mức và đơn giá mới ban hành sau hơn 10 năm là cơ sở cho việc trợ giá cho hoạt động này được tính tương đối đúng và đủ khắc phục tình trạng thua lỗ của hoạt động buýt, tạo tiền đề cho sự phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng trong tương lai. Trên tinh thần đó, HĐQT đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 như sau: Hoàn tất hồ sơ dự án 592 Cộng Hòa để tiến hành khởi công trong năm 2019; song song đó là triển khai các hồ sơ liên quan đến dự án Bãi xe Bắc Việt; Hoàn tất việc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại các mặt bằng của Công ty; Hoàn tất việc quyết toán chuyển thể giai đoạn Nhà nước; Tiến hành các bước mua lại tài sản của hộ lưu cư tại 500 Nguyễn Đình Chiểu.

Về hoạt động buýt: tiếp tục triển khai áp dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tiết giảm chi phí; tiếp tục đầu tư thay đổi phương tiện trên 05 tuyến xe buýt còn lại.	Về hoạt động dịch vụ: triển khai các hoạt động kinh doanh mua bán ô tô, bảo trì sửa chữa tại Bãi xe Lạc Long Quân và Bãi xe Bắc Việt sau khi hoàn tất các sổ đỏ. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ hiện hữu tăng trưởng cả về thị phần và lợi nhuận.	Tiếp tục triển khai hoàn thiện cơ chế trả lương theo sản phẩm đối với bộ phận lao động trực tiếp và trả lương theo năng suất, hiệu quả công việc đối với bộ phận lao động gián tiếp.	Đẩy mạnh công tác tái cấu trúc mô hình tổ chức trên cơ sở tách các hoạt động dịch vụ và hoạt động công ích, hình thành các pháp nhân độc lập.
---	---	--	---

BÁO CÁO  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**SaigonBus**<sup>®</sup>





## Giá trị kinh tế mang lại trong kỳ tài chính

Tiêu chí	Giá trị mang lại trong năm 2018
Kết quả hoạt động	Doanh thu và thu nhập khác : 645,045 tỷ đồng; LNST: -37,4 tỷ đồng
Nợ ngân sách	Tổng khoản đã nộp ngân sách bằng 16,095 tỷ đồng
Người lao động	Mức lương bình quân 2018: 9.720.000 đồng/người/tháng

Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn hình thành và phát triển trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, các cổ đông cùng nhau góp vốn cùng chia sẻ lợi nhuận, cũng như cùng chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trên số vốn đã đầu tư. Cho đến thời điểm hiện nay, các mục tiêu kinh tế đặt ra đều được Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty phối hợp triển khai thực hiện quyết liệt với tinh thần đầy trách nhiệm. Kết quả hoạt động năm 2018 cho thấy BSG vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, công việc ổn định cho người lao động, các chính sách đối với đối tượng này được thực hiện đầy đủ và có sự cam kết dài lâu, tiếp tục duy trì được sự phát triển bền vững của Công ty, tuân thủ đúng các quy định về thuế của Nhà nước.

Về giá trị kinh tế mang lại cho cổ đông hàng năm, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Công ty luôn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật.



## Về môi trường và năng lượng

Hoạt động trong ngành vận tải. Các hoạt động của công ty ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường xung quanh. Nhận thức rõ về vấn đề này, trong những năm qua, chiến lược phát triển của công ty luôn đi kèm với tình hình nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, nhằm giảm thiểu tối đa tác động từ các hoạt động của công ty đến môi trường và giúp cải thiện và duy trì môi trường sống trong lành.

Saigonbus cũng là doanh nghiệp đi tiên phong của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung trong việc sử dụng phương tiện vận tải “Xanh” để bảo vệ môi trường không khí cho thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2011, Sở Giao thông vận tải phối hợp với Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn đưa 21 xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch CNG mới vào hoạt động tuyến xe Xanh: Chợ Bến Thành – Bến xe Chợ Lớn.

Công ty luôn có kế hoạch sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu lượng năng lượng thải ra môi trường thông qua việc thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị, thay mới xe cũ, đầu tư dàn xe mới theo tiêu chuẩn ngành số 22TCN307-03 của Bộ GTVT ban hành ngày 10/07/2003. Với những cải tạo dựa trên cơ sở Chassis nền của các hãng Mercedes (Đức), Hino, Isuzu (Nhật), Yuchai (Trung Quốc)...

Hiện nay, nguồn năng lượng BSG sử dụng chủ yếu là điện và nguồn tài nguyên nước cùng dầu khí. Nước được Công ty mua từ Công ty cấp nước Chợ Lớn, mức tiêu thụ trong năm 4.943 m<sup>3</sup>, ngoài ra BSG còn sử dụng nguồn nước ngầm từ giếng khoan với mức sử dụng trong năm qua khoảng 58153m<sup>3</sup>, Trong quá trình hoạt động kinh doanh việc sử dụng các nguồn năng lượng này được Công ty chủ động theo dõi đánh giá tác động của chúng đến môi trường nhằm kiểm soát được chi phí hoạt động vừa thực hiện được các mục tiêu đã cam kết đối với môi trường xã hội. Ngoài ra, trong những kế hoạch hoạt động của mình, BSG luôn chú ý đến việc tiêu thụ các nguồn năng lượng này nhằm có sự tính toán đúng đắn cho các chi phí hoạt động từ đó góp phần tích cực trong việc nâng cao kết quả kinh doanh, bảo tồn và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên quốc gia. Công ty chưa từng bị phạt do luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định liên quan đến môi trường hiện nay.



## Đối với cán bộ nhân viên, khách hàng và cộng đồng

### Đối với Cán bộ nhân viên Công ty

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CB.CNV của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Thu nhập bình quân của CB.CNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực.



### Khách hàng

Công ty không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng. Trong những năm qua, công tác này có những điểm nổi bật như sau:

#### Hệ thống giám sát hành trình (năm 2012):

- Lưu trữ dữ liệu hành trình GPS của gần 700 xe đang gắn thiết bị GPS.
- Thực hiện truyền dữ liệu GPS về Tổng Cục Đường Bộ, Trung tâm Quản lý điều hành hành khách công cộng theo yêu cầu từ các cơ quan quản lý.
- Có các chức năng cảnh báo, báo cáo vi phạm nhằm phục vụ nhanh chóng công tác kiểm tra, giám sát khi có phản ánh, vi phạm từ các xe.
- Trung tâm điều hành trực tuyến theo dõi GPS của 28 tuyến Buýt, 64 tuyến Đưa rước và các xe đi Campuchia, tour, hợp đồng trực tuyến 24/7.

#### Phần mềm hỗ trợ người dân đi xe buýt

- Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để người dân dễ dàng sử dụng dịch vụ vận tải buýt thành phố Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty đã nghiên cứu và phối hợp với đối tác phát triển phần mềm hỗ trợ người dân đi xe buýt.
- Xem thông tin về tuyến buýt: Lộ trình, trạm dừng, cự ly tuyến, thời gian hoạt động, thời gian giãn cách, số chuyến, loại phương tiện.
- Xem bản đồ tuyến và dữ liệu xe trực tuyến: Xem trực quan lộ trình tuyến trên bản đồ số, xem thông tin hoạt động của phương tiện trên tuyến, tính toán và xác định thời gian xe đến trạm dừng.

### Đào tạo, nâng cao chất lượng của tài xế trên cơ sở trách nhiệm với cộng đồng:

Với mục tiêu an toàn là trên hết, công ty thường xuyên tập huấn và rèn luyện kỹ năng cho các tài xế nâng cao chất lượng tài nghề, ý thức với sự an toàn của hành khách và mọi người tham gia giao thông, qua đó cũng cho thấy sự tuân thủ nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về luật an toàn giao thông. Tích cực trong công tác vì cộng đồng cùng với chính quyền địa phương kịp thời hỗ trợ, động viên tin thần đối với những trường hợp khó khăn, neo đơn nhằm thực hiện tốt và ý nghĩa các trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với xã hội.





# QUẢN TRỊ CÔNG TY

**SaigonBus**<sup>®</sup>

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch HĐQT	19/08/2016	13/13	100%
2	Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên	19/08/2016	13/13	100%
3	Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	19/08/2016	13/13	100%
4	Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	19/08/2016	13/13	100%
5	Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	19/08/2016	13/13	100%
6	Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên	09/04/2018	12/12	100%
7	Ông Trần Lâm	Thành viên	19/08/2016	13/13	100%

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc. Qua đó, Ban Tổng giám đốc đã xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện các công việc như:



Thường xuyên, liên tục kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị trực thuộc;



Xây dựng kế hoạch kinh doanh; triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh;



Thực hiện việc đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh;



Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

Năm qua, công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện đúng với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định có liên quan. Kết quả cho thấy, mặt dù vẫn còn gặp phải những khó khăn liên quan đến phương tiện kinh doanh, nguồn lao động và cơ sở hạ tầng nhưng Công ty cũng đã đạt được những thành công nhất định, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong các công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đúng với tinh thần mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã định hướng.

Kế hoạch cơ cấu và điều hành trong thời gian tới chắc chắn vẫn còn nhiều trở ngại, Hội đồng quản trị hi vọng rằng Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục phát huy được tinh thần trách nhiệm, duy trì được sự nhiệt huyết trong công tác điều hành từ đó giúp công ty chinh phục những thành công mới trong quá trình hoạt động của mình.





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành 30 Nghị quyết, quyết định. Trong đó có 24 Nghị quyết, quyết định đã thực hiện xong.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ/HĐQT-SGB	29/01/2018	Về quyết toán quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, Ban điều hành năm 2017 và việc chi tiền thưởng Tết nguyên đán năm 2018 cho người lao động.
2	02/QĐ/HĐQT-SGB	29/01/2018	Về Quỹ lương kế hoạch năm 2018
3	03/QĐ/HĐQT-SGB	01/02/2018	Về lựa chọn đơn vị vay vốn của các dự án “Đầu tư thay đổi xe buýt mới trên tuyến xe buýt 45, 148, 93 và 27.
4	04/QĐ/HĐQT-SGB	06/02/2018	Về ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác triển khai dự án xây dựng các bãi xe của Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn.
5	05/QĐ/HĐQT-SGB	06/02/2018	Về ban hành Quy chế lương Bộ phận gián tiếp và lao động phụ trợ của Công ty cổ phần xe khách Sài Gòn.
6	06/QĐ/HĐQT-SGB	26/02/2018	Về thành lập Tổ thẩm định Quy chế Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn.
7	07/QĐ/HĐQT-SGB	26/02/2018	Về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
8	08/QĐ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Về hủy nội dung triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án bến bãi đối với dự án xây dựng bãi đậu xe nhiều tầng tại địa chỉ số 439 Phan Văn Trị, P.5, Q.Gò Vấp.
9	12/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2017	Về thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017.
10	13/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Về thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	14/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Về thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2017, mức cổ tức thực hiện và hình thức chi trả cổ tức năm 2017.
12	15/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Về thông qua mức cổ tức dự kiến năm 2018.
13	16/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Về kế hoạch đầu tư phương tiện năm 2018.
14	19/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Về bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn.
	05/QĐ/HĐQT-SGB	06/02/2018	Về ban hành Quy chế lương Bộ phận gián tiếp và lao động phụ trợ của Công ty cổ phần xe khách Sài Gòn.
15	20/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Về sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn.
16	21/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Về miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ I Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn.
17	22/NQ/HĐQT-SGB	23/04/2018	Về triển khai lấy ý kiến cổ đông công ty về thay đổi ngày đăng ký cuối cùng để chia cổ tức năm 2017.
18	23/NQ/HĐQT-SGB	04/05/2018	Về ban hành Quy chế chuyển xếp và áp dụng thang bảng lương dùng để đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc và chi trả các chế độ cho Cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn.
19	24/NQ/HĐQT-SGB	31/05/2018	Về thực hiện giao dịch tín dụng dưới hình thức cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
20	26/NQ/HĐQT-SGB	22/06/2018	Về thông qua chủ trương thành lập tổ nghiên cứu tổ chức tái cơ cấu doanh nghiệp, xây dựng chiến lược kinh doanh.
21	27/NQ/HĐQT-SGB	03/07/2018	Về thông qua danh sách nhân sự Tổ nghiên cứu tổ chức tái cơ cấu doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh.
22	28/NQ/HĐQT-SGB	20/09/2018	Về ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần xe khách Sài Gòn.
23	29/NQ/HĐQT-SGB	28/09/2018	Về ủy quyền cho Tổng Giám Đốc ký Hợp đồng đặt hàng thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (có trợ giá) năm 2018.
24	30/NQ/HĐQT-SGB	10/12/2018	Về việc đưa xe khách 45 chỗ do Công ty sản xuất vào khai thác đưa rước công nhân.

Trong đó có 06 Nghị quyết, quyết định đang thực hiện chưa có kết quả

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	09/NQ-HĐQT/SGB	26/03/2018	Chủ trương thanh lý phương tiện vận tải
2	10/NQ-HĐQT/SGB	16/03/2018	Chuyển đổi Xưởng đóng mới xe khách thành Xí nghiệp dịch vụ tổng hợp
3	11/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Chủ trương xây dựng mới trạm nạp khí CNG tại Bến xe Lạc Long Quân
4	10/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Kế hoạch thực hiện dự án Bến xe Phở Quang
5	18/NQ/HĐQT-SGB	16/03/2018	Kế hoạch thực hiện dự án tại Bãi xe 592 Cộng Hòa
6	25/NQ/HĐQT-SGB	22/06/2018	Thống nhất chủ trương triển khai đầu tư xây dựng bãi đậu xe tĩnh cao tầng kết hợp các loại hình khác tại khu đất 592 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình





## BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng Ban Kiểm soát	09/04/2018	03/03	100%
2	Bà Huỳnh Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	19/08/2016	03/03	100%
3	Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	19/08/2016	03/03	100%

- Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát thực tế 07 xí nghiệp vận tải, phòng kỹ thuật vật tư, phòng kinh doanh du lịch về hiệu quả sử dụng vốn, phương thức kinh doanh, hiệu quả kinh doanh, sổ sách kế toán và phương thức hạch toán báo cáo HĐQT để tái cấu trúc tại Công ty Cổ phần xe khách Sài Gòn, HĐQT đã ra Quyết định số 27/QĐHĐQT/SGB ngày 03/07/2018 của HĐQT về việc thành lập Tổ nghiên cứu tổ chức tái cơ cấu doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh, và ngày 25/02/2019 tổ chức đã có Báo cáo tái cấu trúc Công ty Cổ phần xe khách Sài Gòn trình HĐQT xem xét quyết định;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT;
- Thẩm định báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;



Ngoài ra, các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo pháp luật, các chế độ, quyền lợi của CBCNV, Lao động được thực hiện theo đúng Luật Lao động, Điều lệ Công ty, cụ thể:

Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, từ trần, ốm đau, bệnh tật được kịp thời, đầy đủ, chính xác. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức tham quan học tập trong nước, phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao,... Người lao động có việc làm ổn định, đời sống được đảm bảo, an tâm công tác

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động;
- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV;
- Các tổ chức chính trị, xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí.



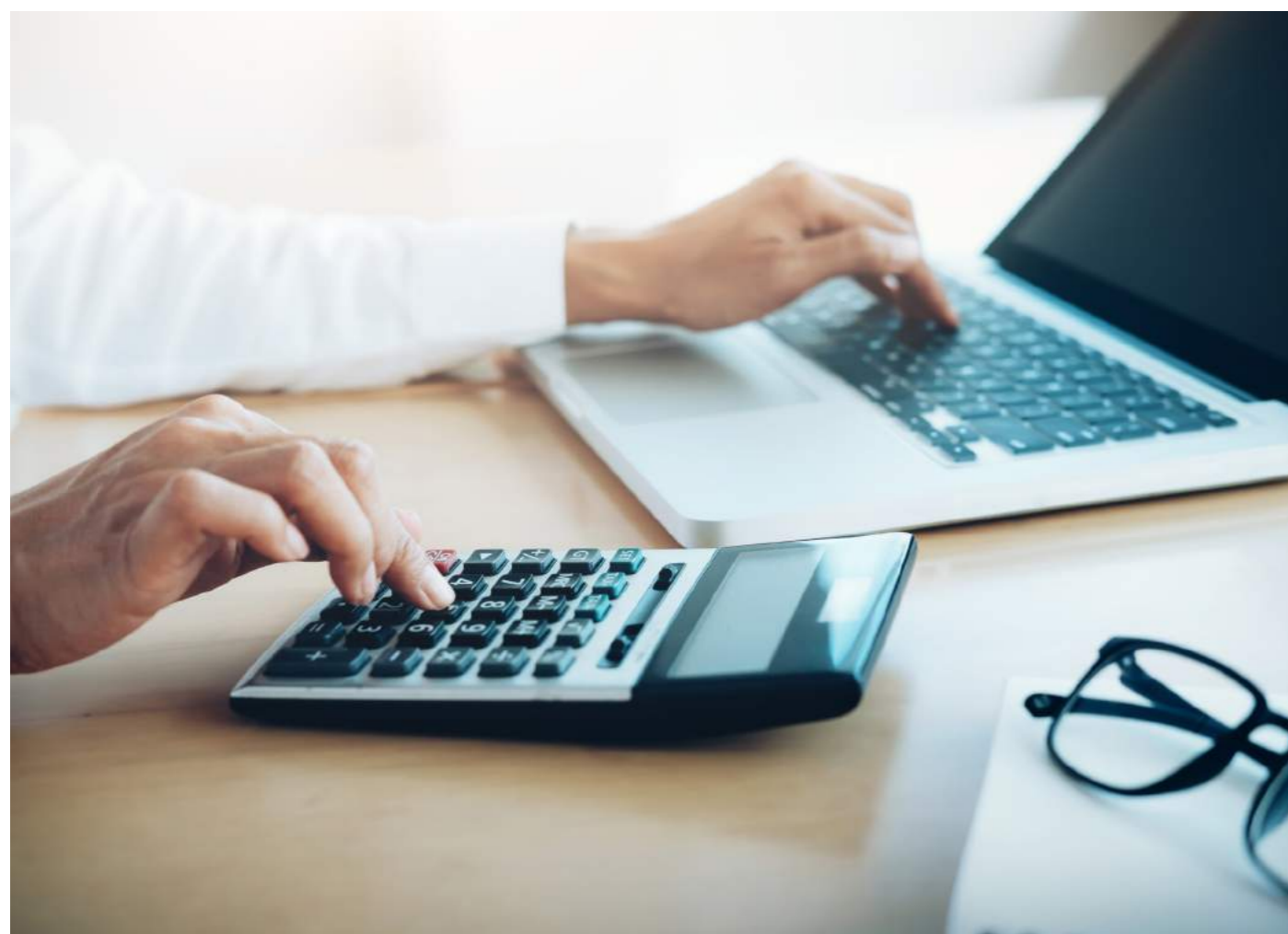
## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### Thù lao và các khoản lợi ích

STT	Chức danh	Số lượng người	Đơn vị tính	Mức thù lao KH 2018	Quý thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	01	8	96	96
2	Thành viên HĐQT	06	6	432	432
3	Thư ký HĐQT	01	3	36	36
4	Trưởng BKS	01	25	300	300
5	Thành viên BKS	02	5	120	120
	<b>Tổng</b>	<b>11</b>		<b>984</b>	<b>984</b>

STT	Chức danh	Quý thù lao năm 2019 (triệu đồng/năm)
<b>1</b>	<b>Quý Thù lao của HĐQT bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT không chuyên và 06 thành viên HĐQT</b>	
1.1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách (01 người)	96
1.2	Thành viên HĐQT không chuyên trách (06 người)	432
<b>2</b>	<b>Quý tiền lương, thù lao của BKS bao gồm 01 trưởng BKS chuyên trách và 02 KSV</b>	
2.1	Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách (01 người)	300
2.2	Kiểm soát viên không chuyên trách (02 người)	120
<b>3</b>	<b>Thù lao của Thư ký HĐQT (01 người)</b>	<b>36</b>
<b>4</b>	<b>Tổng cộng Quý thù lao HĐQT, BKS, Thư ký.</b>	<b>984</b>

Trong năm không có hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ.



Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động cũng như pháp luật hiện hành về quản trị Công ty.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN**

***SaigonBus***<sup>®</sup>



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **1. Thông tin chung**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 09 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 10 năm 2007 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô – Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 01, Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 03 năm 2008 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ địa chỉ cũ: Số 131 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ mới: Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 57 tỷ VND lên thành 99 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 03 tháng 10 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 07 năm 2009 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô 2 – Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 343/20, Tống Văn Trân, Phường 5, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 14 tháng 07 năm 2010 về việc bổ sung thêm 12 địa điểm kinh doanh;

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 01 năm 2011 về việc bổ sung thông tin về chi nhánh, và thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 05 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 99 tỷ VND lên thành 185 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 19 tháng 08 năm 2016 về việc chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần: Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và tăng vốn điều lệ từ 185 tỷ VND lên thành 600 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 10 tháng 09 năm 2016 về việc thay đổi thông tin điện thoại liên lạc.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) – 39 505 505
- Fax : (028) – 38 546 127

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 6887/UBCK-GSDC ngày 13/10/2016.

Ngày 02/11/2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: BSG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	
Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên	
Ông Hoàng Quốc Hội	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2018
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2018
Ông Trần Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	

#### **Ban kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	
Ông Nim Vuồn Phu	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09/04/2018
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/04/2018
Bà Huỳnh Thị Hạnh	Thành viên	
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên	

#### **Ban điều hành, quản lý**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Lệ Thu	Kế toán trưởng

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Minh Tâm, chức vụ Tổng Giám đốc.

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **7. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,

---

**NGUYỄN HỒNG ANH**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Số: 140/2019/BCKT-HCM.00380

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như được trình bày tại mục 5.5.1 (a) của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có các khoản phải thu từ Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt, khoản phải thu này chưa được quyết toán. Do đó, các khoản phải thu này có thể thay đổi khi có quyết toán chính thức của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng.
- Như được trình bày tại mục 5.9 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong tài sản cố định hữu hình có 3 công trình văn phòng và 297 xe Bus với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 78.315.998.511 VND hiện đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản họp số 05/BB-HĐQT/SGB và Nghị quyết số 09/NQ- HĐQT/SGB của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018. Kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các công trình, phương tiện này sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm thanh lý. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa thể hiện chi phí hao mòn của các tài sản nêu trên với giá trị khấu hao ước tính là 21.572.645.612 VND.

#### Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Trong năm, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị là 2.028.500.000 VND. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, nếu phản ánh theo giá trị hợp lý thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng 2.028.500.000 VND và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi tương ứng là 2.028.500.000 VND.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2111-2018-009-1

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>237.767.108.888</b>	<b>297.676.602.854</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>16.378.936.495</b>	<b>59.704.311.729</b>
1. Tiền	111		16.378.936.495	14.704.311.729
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	45.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.645.000.000</b>	<b>37.018.804.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.645.000.000	37.018.804.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>161.175.175.983</b>	<b>147.904.766.436</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	32.610.802.585	55.904.229.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	9.218.160.634	7.462.576.848
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	119.781.020.891	84.916.770.130
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(434.808.127)	(378.810.400)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>40.369.227.245</b>	<b>43.503.337.177</b>
1. Hàng tồn kho	141		40.369.227.245	43.503.337.177
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.198.769.165</b>	<b>9.545.383.512</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	2.350.414.137	2.237.213.768
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.115.093.921	6.041.595.699
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	6.733.261.107	1.266.574.045
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>638.008.659.445</b>	<b>659.143.394.097</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>139.470.000</b>	<b>136.620.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	139.470.000	136.620.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>615.354.039.845</b>	<b>638.207.342.657</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	614.888.911.886	637.757.417.767
- Nguyên giá	222		1.366.241.148.493	1.304.657.836.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(751.352.236.607)	(666.900.419.192)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	465.127.959	449.924.890
- Nguyên giá	228		683.740.000	568.740.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.612.041)	(118.815.110)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>864.831.580</b>	<b>391.356.364</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	864.831.580	391.356.364
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.650.318.020</b>	<b>20.408.075.076</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	21.650.318.020	20.408.075.076
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>875.775.768.333</b>	<b>956.819.996.951</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>297.207.661.901</b>	<b>334.638.730.782</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>123.186.646.584</b>	<b>172.992.958.565</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	57.501.126.698	122.300.546.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	736.526.234	2.179.726.583
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	464.084.095	2.859.639.479
4. Phải trả người lao động	314	5.15	155.500.000	674.500.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	880.161.778	922.035.797
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	2.405.171.295	154.204.544
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	886.685.278	906.152.805
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	57.877.530.073	40.421.153.452
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	2.279.861.133	2.574.999.859
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>174.021.015.317</b>	<b>161.645.772.217</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	17.088.833.344	9.301.500.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	1.521.000.148	788.044.940
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	155.411.181.825	151.556.227.277
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>578.568.106.432</b>	<b>622.181.266.169</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.21	<b>578.568.106.432</b>	<b>622.181.266.169</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.450.651.638)	13.162.508.099
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.063.306	9.193.764.577
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(30.473.714.944)	3.968.743.522
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		9.018.758.070	9.018.758.070
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>875.775.768.333</b>	<b>956.819.996.951</b>

**NGUYỄN THỊ VĂN ANH**  
Người lập**PHẠM THỊ LỆ THU**  
Kế toán trưởng**ĐOÀN MINH TÂM**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>628.936.414.559</b>	<b>564.447.384.686</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	10	6.1	<b>628.936.414.559</b>	<b>564.447.384.686</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	607.350.077.698	502.593.666.770
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20		<b>21.586.336.861</b>	<b>61.853.717.916</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	647.405.780	4.673.485.664
7. Chi phí tài chính	22	6.4	11.938.554.170	10.184.592.975
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.024.441.764	9.828.903.649
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.137.374.157	1.020.775.814
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	60.693.046.814	55.196.291.927
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	30		<b>(51.535.232.500)</b>	<b>125.542.864</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	15.461.074.854	15.721.848.631
12. Chi phí khác	32	6.8	1.333.132.376	10.781.582.023
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>14.127.942.478</b>	<b>4.940.266.608</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>(37.407.290.022)</b>	<b>5.065.809.472</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	-	1.097.065.950
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	60		<b>(37.407.290.022)</b>	<b>3.968.743.522</b>
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	6.9		<b>(623)</b>	<b>66</b>

NGUYỄN THỊ VÂN ANH  
Người lập

PHẠM THỊ LỆ THU  
Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH TÂM  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>(37.407.290.022)</b>	<b>5.065.809.472</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	84.587.360.723	76.930.199.516
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	55.997.727	378.810.400
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(693.784.157)	4.791.413.419
- Chi phí lãi vay	06	10.024.441.764	9.828.903.649
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>56.566.726.035</b>	<b>96.995.136.456</b>
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(17.955.992.273)	(31.618.289.338)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	3.134.109.932	(13.721.651.358)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(64.483.730.978)	87.792.039.083
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(1.355.443.313)	(2.074.324.171)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.272.110.836)	(9.597.745.717)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(2.392.802.806)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13.430.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(143.750.000)	(10.671.923.718)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(34.496.761.433)</b>	<b>114.710.438.431</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(62.474.786.750)	(131.966.208.770)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	313.632.000	10.956.054.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(37.018.804.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.373.804.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	647.405.780	4.667.966.782
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(30.139.944.970)</b>	<b>(153.360.991.443)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	98.138.562.981	51.737.636.363
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(76.827.231.812)	(37.641.161.452)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>21.311.331.169</b>	<b>14.096.474.911</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(43.325.375.234)</b>	<b>(24.554.078.101)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>59.704.311.729</b>	<b>84.258.389.830</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>16.378.936.495</b>	<b>59.704.311.729</b>

**NGUYỄN THỊ VÂN ANH**

Người lập

**PHẠM THỊ LỆ THU**

Kế toán trưởng

**ĐOÀN MINH TÂM**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 6887/UBCK-GSDC ngày 13/10/2016.

Ngày 02/11/2016, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM (HNX) kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2016 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: BSG
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 60.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch theo mệnh giá: 600.000.000.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;



## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

STT	Tên Xí Nghiệp	Địa chỉ
1	Xí nghiệp sửa chữa ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí nghiệp Du lịch - Lữ hành (Saigonbus Travel)	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
3	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
4	Xí nghiệp dịch vụ Du lịch Sapaco	Số 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
5	Xí nghiệp vận tải số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
6	Xí nghiệp vận tải số 2	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
7	Xí nghiệp vận tải số 3	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
8	Xí nghiệp vận tải số 4	Số 1 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
9	Xí nghiệp vận tải số 5	Số 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
10	Xí nghiệp vận tải số 6	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
11	Xí nghiệp vận tải số 7	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

#### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

#### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 1.295 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 1.222 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước tại số 171 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Do Công ty chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hồ Chí Minh nên chưa biết thời gian phân bổ tiền thuê đất trả trước.

##### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh là giá trị tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Công ty được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA ngày 07 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

#### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 15 năm
Tài sản cố định khác	5 - 25 năm

#### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.11 Tiền lương**

Công ty ghi nhận chi phí lương trong năm theo Quỹ lương. Quỹ lương được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động bình quân theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa bao gồm lương tại Công ty). Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty ghi nhận chi phí lương theo quỹ lương kế hoạch của năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày 09 tháng 04 năm 2018.

**4.12 Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

**4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các Cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập****Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.17 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.18 Công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.19 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên (Samco)	TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		Thành viên chủ chốt



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt – VND	8.310.180.167	4.584.389.699
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	8.068.711.698	10.119.877.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD (*)	44.630	44.630
Các khoản tương đương tiền – VND	-	45.000.000.000
	<b>16.378.936.495</b>	<b>59.704.311.729</b>

(\*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	1,97	44.630

### 5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau :

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn - VND (*)	5.645.000.000	37.018.804.000
	<b>5.645.000.000</b>	<b>37.018.804.000</b>

(\*) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất tiền gửi 6,5%/năm. Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp, bảo lãnh các khoản vay ngân hàng như sau :

- Duy trì khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng tiền gửi số 703/2016/HĐTĐ ngày 29 tháng 11 năm 2016 - Xem thêm thuyết minh ở mục 5.19.2.
- Duy trì khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền tối thiểu là 1.760.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) theo hợp đồng tiền gửi số 926/2016/09/013/HĐTĐ ngày 30 tháng 09 năm 2016 - Xem thêm thuyết minh ở mục 5.19.2.

### 5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	343.440.000	106.350.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH GB Hà Nội	6.180.000.000	6.180.000.000
Công ty TNHH Vận tải TP.HCM	1.631.603.940	4.260.808.795
Công ty TNHH Bao bì Vĩnh Khang	6.124.189.241	4.501.427.097
Công ty TNHH Jones Lang Lasalle ( Việt Nam )	4.277.981.166	-
Các khách hàng khác	14.053.588.238	40.855.643.966
	<b>32.610.802.585</b>	<b>55.904.229.858</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH Kỹ nghệ Thăng Long	2.668.369.849	1.068.641.100
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ HDTV	2.400.000.000	-
Công ty TNHH Nón Xanh	1.006.211.500	1.307.457.745
Các nhà cung cấp khác	3.143.579.285	5.086.478.003
	<b>9.218.160.634</b>	<b>7.462.576.848</b>

### 5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b> (Xem Thuyết minh 9.1.2)				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO) – Phải thu tiền góp vốn	5.613.191.770	-	5.613.191.770	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng:				
Phải thu tiền trợ giá xe bus, đưa rước công nhân, đưa rước học sinh (a)	59.804.382.586	-	17.359.784.620	-
Phải thu về tiền phạt mất chuyến đang chờ giải quyết (a)	9.959.272.087	-	9.663.827.798	-
Phải thu tiền vé tập	4.105.233.286	-	3.796.935.178	-
Phải thu ngân sách nhà nước – Dự án nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông (b)	9.018.758.070	-	9.018.758.070	-
Các khoản tiền hỗ trợ lãi vay của ngân sách Nhà nước (c)	1.636.037.849	-	9.250.301.249	-
Quý lương chi vượt (Xem mục 5.15)	9.730.728.443	-	6.765.920.189	-
Quý khen thưởng (Xem mục 5.20)	6.744.486.363	-	7.107.755.089	-
Tiền thuê đất của khu đất số 1 Phạm Hồng Thái và khu đất 592 Cộng Hòa đang chờ quyết định miễn tiền thuê đất của cơ quan chức năng	-	-	3.402.942.533	-
Phải thu từ các xí nghiệp vận tải tiền vé xe buýt phải nộp cho Công ty	1.449.239.000	-	1.698.312.000	-
Tạm ứng nhân viên	7.516.741.915	-	7.764.042.550	-
Ký cược, ký quỹ	1.022.961.688	-	1.540.514.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.179.987.834	-	1.934.485.084	-
	<b>119.781.020.891</b>	<b>-</b>	<b>84.916.770.130</b>	<b>-</b>

(a) Các khoản phải thu của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt chưa được quyết toán.

(b) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Văn phòng làm việc của Công ty” được duyệt theo Quyết định số 3064/QĐ-UBND.TPHCM ngày 14 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

(c) Đây là khoản tiền hỗ trợ lãi vay của Ngân sách Nhà nước về việc Công ty đầu tư 212 xe Bus CNG theo “Đề án đầu tư xe buýt giai đoạn 2014-2017” của Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	139.470.000	-	136.620.000	-
	<b>139.470.000</b>	<b>-</b>	<b>136.620.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khách hàng – các khách hàng khác</b>						
Hoạt động vận chuyển hành khách	192.516.700	-	(192.516.700)	192.516.700	-	(192.516.700)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Hiệp Đồng Phát	-	-	-	82.006.000	24.601.800	(57.404.200)
Công ty TNHH Du lịch Sài Gòn Bay	243.025.000	72.907.500	(170.117.500)	243.025.000	121.512.500	(121.512.500)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	-	-	-	14.365.000	10.055.500	(4.309.500)
Công ty Bảo hiểm Bảo Minh - Bến Thành	5.880.000	5.880.000	-	10.225.000	7.157.500	(3.067.500)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>						
Hoạt động vận chuyển hành khách	240.579.758	168.405.831	(72.173.927)	-	-	-
	<b>682.001.458</b>	<b>244.253.331</b>	<b>(434.808.127)</b>	<b>542.137.700</b>	<b>163.327.300</b>	<b>(378.810.400)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu năm	(378.810.400)	-
Trích lập dự phòng trong năm	(120.778.927)	(378.810.400)
Hoàn nhập trong năm	64.781.200	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(434.808.127)</b>	<b>(378.810.400)</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	1.200.274.354	-	4.708.971.525	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.836.236.914	-	33.096.438.661	-
Công cụ, dụng cụ	380.752.707	-	369.797.286	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	62.881.828	-
Thành phẩm	2.363.987.079	-	4.727.974.158	-
Hàng hóa	587.976.191	-	537.273.719	-
	<b>40.369.227.245</b>	<b>-</b>	<b>43.503.337.177</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phí đường bộ, đăng kiểm	147.772.959	180.688.580
Chi phí bảo hiểm xe	1.682.340.889	1.132.150.560
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	520.300.289	924.374.628
	<b>2.350.414.137</b>	<b>2.237.213.768</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ đánh giá lại (a)	204.458.415	531.591.883
Chi phí bình điện	719.588.412	-
Lợi thế kinh doanh (b)	4.503.431.276	5.094.045.216
Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (c)	8.944.963.213	8.944.963.213
Chi phí sửa chữa	1.177.381.849	2.911.989.174
Chi phí cải tạo văn phòng, bãi xe	545.478.528	-
Chi phí vỏ ruột	2.682.650.473	-
Máy in vé trên xe buýt	1.705.868.332	1.345.318.334
Chi phí máy móc, công cụ quản lý	624.622.522	963.917.256
Chi phí đèn led trên xe buýt	541.875.000	616.250.000
	<b>21.650.318.020</b>	<b>20.408.075.076</b>

- (a) Công cụ, dụng cụ đánh giá lại được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.
- (b) Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển, được ghi nhận theo theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.
- (c) Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty. Theo quy định về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì đối với những khu đất nhận chuyển nhượng hợp pháp có quyền sử dụng đất lâu dài khi chuyển sang hình thức thuê đất thì giá trị quyền sử dụng đất giao còn lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được xác định là số tiền doanh nghiệp đã trả trước cho khoản thời gian thuê nhất định theo giá thuê đất tại thời điểm doanh nghiệp hoàn tất thủ tục thuê đất với Cơ quan quản lý địa phương. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất thủ tục thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh nên số tiền thuê đất nêu trên chưa có cơ sở để phân bổ theo thời gian thuê thực tế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2018	126.973.715.499	6.566.266.841	1.157.884.206.581	11.606.365.603	1.627.282.435	1.304.657.836.959
Mua trong năm	165.744.422	34.200.000	61.277.567.112	140.000.000	268.800.000	61.886.311.534
Thanh lý trong năm	-	(34.200.000)	-	-	(268.800.000)	(303.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>127.139.459.921</b>	<b>6.566.266.841</b>	<b>1.219.161.773.693</b>	<b>11.746.365.603</b>	<b>1.627.282.435</b>	<b>1.366.241.148.493</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2018	47.452.245.584	4.653.029.319	606.131.238.891	7.678.487.961	985.417.437	666.900.419.192
Khấu hao trong năm	4.128.922.066	334.844.772	79.069.806.852	791.449.826	162.540.276	84.487.563.792
Thanh lý trong năm	-	(3.651.144)	-	-	(32.095.233)	(35.746.377)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>51.581.167.650</b>	<b>4.984.222.947</b>	<b>685.201.045.743</b>	<b>8.469.937.787</b>	<b>1.115.862.480</b>	<b>751.352.236.607</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2018	79.521.469.915	1.913.237.522	551.752.967.690	3.927.877.642	641.864.998	637.757.417.767
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>75.558.292.271</b>	<b>1.582.043.894</b>	<b>533.960.727.950</b>	<b>3.276.427.816</b>	<b>511.419.955</b>	<b>614.888.911.886</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2018	-	1.562.011.488	3.780.921.198	90.609.420	264.910.923	5.698.453.029
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>90.609.420</b>	<b>-</b>	<b>90.609.420</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị còn lại của phương tiện vận tải đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 311.177.509.663 VND (tại ngày 01/01/2018 là 285.811.052.676 VND) – Xem thêm *Thuyết minh mục 5.19*.

Trong tài sản cố định hữu hình có 3 công trình văn phòng và 297 xe Bus với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 78.315.998.511 VND hiện đang ngưng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý theo Biên bản họp số 05/BB-HĐQT/SGB và Nghị Quyết số 09/NQ- HĐQT/SGB của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 03 năm 2018. Kết quả lãi hoặc lỗ do thanh lý các công trình, phương tiện này sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm thanh lý. Trong năm, Công ty chưa ghi nhận chi phí hao mòn của các tài sản nêu trên với giá trị khấu hao ước tính là 21.572.645.612 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2018	568.740.000
Mua trong năm	115.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>683.740.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2018	118.815.110
Khấu hao trong năm	99.796.931
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>218.612.041</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2018	449.924.890
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>465.127.959</b>

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2018 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển sang tài sản cố định VND	31/12/2018 VND
Dự án bãi xe cao tầng Số 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	391.356.364	163.636.363	-	554.992.727
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	309.838.853	-	309.838.853
	<b>391.356.364</b>	<b>473.475.216</b>	<b>-</b>	<b>864.831.580</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**

**5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO)	10.295.300.980	2.920.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	30.667.168.146	32.710.086.707
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định	6.201.000.000	60.253.700.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Nam	3.329.278.861	2.331.157.990
Các nhà cung cấp khác	7.008.378.711	24.085.601.349
	<b>57.501.126.698</b>	<b>122.300.546.046</b>

**5.12.2 Phải trả người bán dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (SAMCO)	13.988.333.344	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định	3.100.500.000	9.301.500.000
	<b>17.088.833.344</b>	<b>9.301.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thành Tuấn	597.214.150	1.561.908.395
Các khách hàng khác	139.312.084	617.818.188
	<b>736.526.234</b>	<b>2.179.726.583</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) nhà nước**

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ Chuyển khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.859.183.159	-	23.005.858.155	(25.464.136.939)	400.904.375	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(1.083.247.319)	17.489.562	-	-	(1.065.757.757)
Thuế thu nhập cá nhân	-	(40.895.416)	997.745.567	(894.126.751)	62.723.400	-
Thuế tài nguyên	456.320	-	5.372.800	(5.372.800)	456.320	-
Tiền thuê đất	-	(142.431.310)	4.261.015.905	(9.786.087.945)	-	(5.667.503.350)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	259.304.496	(259.304.496)	-	-
Thuế môn bài	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
	<b>2.859.639.479</b>	<b>(1.266.574.045)</b>	<b>28.556.786.485</b>	<b>(36.419.028.931)</b>	<b>464.084.095</b>	<b>(6.733.261.107)</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận trước thuế theo kế toán	(37.407.290.022)	5.065.809.472
Cộng các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	903.446.911	419.520.280
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(36.503.843.111)</b>	<b>5.485.329.752</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.097.065.950</b>

**Tiền thuê đất m<sup>2</sup>**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

Vị trí đất	Diện tích thuê (m <sup>2</sup> )
Tại số 500 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	618,6
Tại số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	774,2
Tại số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	(*) 30.511,9
Tại số 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	(*) 7.214,0
Tại số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	(**) 27.490,0
Tại số 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	(**) 6.799,1

(\*) Là các khu đất thuê được miễn tiền thuê đất, cụ thể như sau:

Tại số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh: Quyết định số 1436-QĐ-CCT-TBTK ngày 16 tháng 8 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2045.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tại số 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh: Quyết định số 875/QĐ-CCT ngày 26 tháng 10 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(\*\*) Là hai khu đất đang tiến hành xin miễn tiền thuê đất, Công ty không ghi nhận chi phí thuê đất phát sinh trong năm.

**5.15 Phải trả người lao động**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số dư bên Nợ (*) VND	Số dư bên Có VND	Số dư bên Nợ (*) VND	Số dư bên Có VND
Phải trả lương nhân viên	9.730.728.443	-	6.765.920.189	-
Phải trả lương viên chức quản lý	-	155.500.000	-	674.500.000
	<b>9.730.728.443</b>	<b>155.500.000</b>	<b>6.765.920.189</b>	<b>674.500.000</b>

(\*) Phải trả lương cho nhân viên có số dư bên nợ được trình bày tại mục "Phải thu ngắn hạn khác" – Xem mục 5.5.1.

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Trích trước chi phí lãi vay	449.485.918	697.154.990
Chi phí trả chậm dự án mua xe	219.084.293	35.526.263
Chi phí trích trước của trung tâm sát hạch lái xe	-	189.354.544
Trích trước chi phí khác	211.591.567	-
	<b>880.161.778</b>	<b>922.035.797</b>

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Doanh thu cho thuê xe	120.000.000	-
Doanh thu du lịch lữ hành	1.826.783.163	-
Doanh thu cho thuê bề mặt quảng cáo trên thân xe buýt	144.545.456	99.999.999
Doanh thu cho thuê mặt bằng	313.842.676	54.204.545
	<b>2.405.171.295</b>	<b>154.204.544</b>

**5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	-	825.255
Bảo hiểm xã hội	-	39.155.102
Điều chỉnh thuế thu nhập cá nhân	-	37.657.809
Tiền đồng phục phải trả	47.892.500	85.808.440
Bảo hiểm bồi thường tai nạn	30.042.298	27.542.299
Thù lao hội đồng thành viên	70.070.000	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	729.482.380	690.621.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.198.100	24.542.800
	<b>886.685.278</b>	<b>906.152.805</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.18.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.521.000.148	788.044.940
	<b>1.521.000.148</b>	<b>788.044.940</b>

**5.19 Vay ngắn hạn, dài hạn****5.19.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm (*)	13.213.784.621	13.213.784.621	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b> (Xem thuyết minh 5.19.2)				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh	10.803.200.000	10.803.200.000	14.924.608.000	14.924.608.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	16.200.000.000	16.200.000.000	15.600.000.000	15.600.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	9.896.545.452	9.896.545.452	9.896.545.452	9.896.545.452
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	7.764.000.000	7.764.000.000	-	-
	<b>57.877.530.073</b>	<b>57.877.530.073</b>	<b>40.421.153.452</b>	<b>40.421.153.452</b>

(\*) Hợp đồng vay số 246/2018-HĐCVHM/NHCT903-SATRANCO ngày 18 tháng 08 năm 2018 và văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo như sau:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức cho vay	: 50.000.000.000 VND
Thời hạn cho vay	: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng
Lãi suất	: Lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ.
Hình thức đảm bảo	: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại 171 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM với số tiền đảm bảo là 95.620.000.000 VND
Số dư tại ngày 31/12/2018	: 13.213.784.621 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 13.213.784.621 VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2018 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2018 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	43.796.862.981	-	(30.583.078.360)	13.213.784.621
Vay dài hạn đến hạn trả	40.421.153.452	-	50.486.745.452	(46.244.153.452)	44.663.745.452
	<b>40.421.153.452</b>	<b>43.796.862.981</b>	<b>50.486.745.452</b>	<b>(76.827.231.812)</b>	<b>57.877.530.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh (a)	49.046.100.000	49.046.100.000	63.970.708.000	63.970.708.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm (b)	49.482.727.277	49.482.727.277	68.627.400.000	68.627.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (c)	53.027.400.000	53.027.400.000	59.379.272.729	59.379.272.729
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (d)	48.518.700.000	48.518.700.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 5.19.1)	(44.663.745.452)	(44.663.745.452)	(40.421.153.452)	(40.421.153.452)
	<b>155.411.181.825</b>	<b>155.411.181.825</b>	<b>151.556.227.277</b>	<b>151.556.227.277</b>

(a) Đây là khoản vay dài hạn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh theo 3 hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng vay số 88/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 17 tháng 07 năm 2016 như sau:

Mục đích vay	: Thực hiện Giai đoạn 2 "Dự án thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại TP. Hồ Chí Minh, 19 xe bus CNG".
Hạn mức cho vay	: 55.825.000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án.
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của bốn ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án 29 xe bus CNG Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước. Duy trì tài khoản với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Xem thêm mục 5.2
Số dư tại ngày 31/12/2018	: 38.547.500.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 8.588.000.000 VND Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 29.959.500.000 VND

- Hợp đồng vay số 136/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 23 tháng 09 năm 2016 như sau:

Mục đích vay	: Đầu tư 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESEL loại 40 chỗ "đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng" thuộc dự án số 717A/QĐ-XKSG ngày 18/05/2016.
Hạn mức cho vay	: 14.375.2000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư "Đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng"
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/09/2016 là 8,875% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng /lần vào ngày 01/01,

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

Hình thức đảm bảo : Thẻ chấp tài sản hình thành từ dự án là 17 xe bus sử dụng nhiên liệu diesel. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước tại Ngân hàng PVCombank Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

Số dư tại ngày 31/12/2018 : 10.498.600.000 VND, trong đó:  
Nợ đến hạn trả là: 2.215.200.000 VND  
Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 8.283.400.000 VND

(b) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng vay số 290/2016-HDTDDA/NHCT903-SATRANCO ngày 30 tháng 11 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 và SAMCO Bus B30.

Hạn mức cho vay : 80.627.400.000 VND

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Lãi suất thả nổi.

Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,02%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng.

Lãi suất cho vay được điều chỉnh một tháng 1 lần.

Lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 trả lãi sau bình quân của 4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm.

Hình thức đảm bảo : Đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có

Số dư tại ngày 31/12/2018 : 53.027.400.000 VND, trong đó:

Nợ đến hạn trả là: 16.200.000.000 VND

Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 36.827.400.000 VND

(c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0071/KHDN/16DH ngày 07 tháng 12 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định là xe bus hiệu SAMCO Bus B47 thuộc “dự án đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt”.

Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán vượt phần vốn còn phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án.

Hạn mức cho vay : 76.203.400.000 VND nhưng không quá 65,5% tổng mức đầu tư của dự án (chưa bao gồm VAT)

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm.

Hình thức đảm bảo : Bảy mươi chín (79) phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2018 : 49.482.727.277 VND, trong đó:

Nợ đến hạn trả là: 9.896.545.452 VND

Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 39.586.181.825 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(d) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0008/DAĐT-KNDN/18 ngày 15 tháng 03 năm 2018:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án thay đổi xe buýt mới trên tuyến xe buýt Bến xe Quận 8 – Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây - Gò Vấp.

Hạn mức cho vay : 54.342.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (đã bao gồm VAT)

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả lãi sau tính bình quân của bốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh TP.HCM, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh TP.HCM, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM cộng biên độ 2,34%/năm.

Hình thức đảm bảo : Thẻ chấp tài sản là: 34 xe ô tô khách thành phố mới 100%, nhãn hiệu Samco City 1.51 CNG và 5 xe ô tô khách thành phố mới 100%, nhãn hiệu Samco City H.68 CNG lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2017

Số dư tại ngày 31/12/2018 : 48.518.700.000 VND, trong đó:

Nợ đến hạn trả là: 7.764.000.000 VND

Nợ dài hạn chưa đến hạn trả: 40.754.700.000 VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh	49.046.100.000	10.803.200.000	38.242.900.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	66.241.184.621	29.413.784.621	36.827.400.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	98.001.427.277	17.660.545.452	70.642.181.825	9.698.700.000
	<b>213.288.711.898</b>	<b>57.877.530.073</b>	<b>145.712.481.825</b>	<b>9.698.700.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh	63.970.708.000	14.924.608.000	43.212.800.000	5.833.300.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	68.627.400.000	15.600.000.000	50.400.000.000	2.627.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	59.379.272.729	9.896.545.452	39.586.181.808	9.896.545.469
	<b>191.977.380.729</b>	<b>40.421.153.452</b>	<b>133.198.981.808</b>	<b>18.357.245.469</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2018	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. Hồ Chí Minh	49.046.100.000	-	(10.803.200.000)	38.242.900.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	53.027.400.000	-	(16.200.000.000)	36.827.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	49.482.727.277	54.341.700.000	(23.483.545.452)	80.340.881.825
	<b>151.556.227.277</b>	<b>54.341.700.000</b>	<b>(50.486.745.452)</b>	<b>155.411.181.825</b>

**5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2018		Phát sinh trong năm			31/12/2018	
	Số dư Nợ	Số dư có	Trích quỹ trong năm	Tăng giảm khác	Chi quỹ trong năm	Số dư Nợ (*)	Số dư có
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	7.107.755.089	-	198.450.000	297.568.726	132.750.000	6.744.486.363	-
Quỹ phúc lợi	- 2.215.604.366	-	-	(290.578.726)	(11.000.000)	- 1.914.025.640	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	- 359.395.493	-	-	6.440.000	-	- 365.835.493	-
	<b>7.107.755.089</b>	<b>2.574.999.859</b>	<b>198.450.000</b>	<b>13.430.000</b>	<b>143.750.000</b>	<b>6.744.486.363</b>	<b>2.279.861.133</b>

(\*) Số dư bên nợ Quỹ khen thưởng được trình bày tại mục 5.5.1 – Phải thu ngắn hạn khác.

**5.21 Vốn chủ sở hữu****5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	594.386.808.230	9.900.593.497	9.018.758.070	613.306.159.797
Tăng vốn trong năm	5.613.191.770	-	-	5.613.191.770
Lãi trong năm	-	3.968.743.522	-	3.968.743.522
Trích Quỹ khen thưởng	-	(250.000.000)	-	(250.000.000)
Giảm khác	-	(456.828.920)	-	(456.828.920)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>13.162.508.099</b>	<b>9.018.758.070</b>	<b>622.181.266.169</b>
Tại ngày 01/01/2018	600.000.000.000	13.162.508.099	9.018.758.070	622.181.266.169
Lỗ trong năm	-	(37.407.290.022)	-	(37.407.290.022)
Trích Quỹ khen thưởng	-	(198.450.000)	-	(198.450.000)
Chia cổ tức	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
Giảm khác	-	(7.419.715)	-	(7.419.715)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>(30.450.651.638)</b>	<b>9.018.758.070</b>	<b>578.568.106.432</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	294.000.000.000	49,00	294.000.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	144.274.000.000	24,05	144.274.000.000	24,05
Ông Phạm Anh Hưng	90.000.000.000	15,00	90.000.000.000	15,00
Ông Nguyễn Văn Thành	45.000.000.000	7,50	45.000.000.000	7,50
Các cổ đông khác	26.726.000.000	4,45	26.726.000.000	4,45
	<b>600.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**5.21.3 Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**5.21.4 Phân phối lợi nhuận**

Trích Quỹ khen thưởng	VND
Chia cổ tức	198.450.000
	6.000.000.000

**5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

Căn cứ vào hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.415.448.536	13.898.509.787
Trên 1 năm đến 5 năm	17.661.794.144	55.746.770.024
Trên 5 năm	161.260.514.996	484.297.054.229
	<b>183.337.757.676</b>	<b>553.942.334.040</b>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 774,2 m<sup>2</sup> đất tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 609.000 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê 6.799,1 m<sup>2</sup> đất tại 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 580.071 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm tính từ ngày 09 tháng 11 năm 2011.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	88.183.387.909	74.840.330.381
Doanh thu cung cấp dịch vụ	540.753.026.650	489.607.054.305
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>628.936.414.559</b>	<b>564.447.384.686</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan**

Bên liên quan	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	8.994.778.137	12.956.596.999
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	4.242.232.791	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	3.514.859.249	-
	<b>16.751.870.177</b>	<b>12.956.596.999</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng hóa	84.893.060.565	79.752.126.758
Giá vốn cung cấp dịch vụ	522.457.017.133	422.841.540.012
	<b>607.350.077.698</b>	<b>502.593.666.770</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	647.405.780	4.667.966.782
Doanh thu tài chính khác	-	5.518.882
	<b>647.405.780</b>	<b>4.673.485.664</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lãi vay	10.024.441.764	9.828.903.649
Lãi trả chậm	1.914.112.406	355.265.326
Chi phí tài chính khác	-	424.000
	<b>11.938.554.170</b>	<b>10.184.592.975</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí bảo dưỡng, lưu kho xăng dầu	1.137.374.157	1.020.775.814
	<b>1.137.374.157</b>	<b>1.020.775.814</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	16.655.919.809	18.991.956.896
Chi phí vật liệu quản lý	4.170.075.480	848.141.060
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.912.096.216	3.101.392.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.881.276.080	4.701.218.791
Thuế, phí, lệ phí	18.003.634.058	12.702.159.544
Chi phí dự phòng	55.997.727	378.810.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.970.668.142	9.114.549.715
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.043.379.302	5.358.063.419
	<b>60.693.046.814</b>	<b>55.196.291.927</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	46.378.377	-
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	13.251.823.133	13.786.415.358
Tiền điện nước từ cho thuê mặt bằng	1.463.570.961	1.153.694.765
Thu nhập từ sửa chữa xe	142.292.910	217.737.859
Chi phí quảng cáo	288.636.363	95.454.547
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	36.921.520	-
Thu nhập khác	231.451.590	468.546.102
	<b>15.461.074.854</b>	<b>15.721.848.631</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	9.459.380.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định cho thuê mặt bằng	227.411.393	260.550.228
Công cụ dụng cụ đánh giá lại	-	917.747.407
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	42.559.213	-
Phạt vi phạm hành chính	107.832	100.711.534
Chi phí khác	1.063.053.938	43.192.653
	<b>1.333.132.376</b>	<b>10.781.582.023</b>

**6.9 Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(37.407.290.022)	3.968.743.522
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(37.407.290.022)</b>	<b>3.968.743.522</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	60.000.000	60.000.000
<b>Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(623)</b>	<b>66</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	60.000.000	59.438.681
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	561.319
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	84.893.060.565	79.752.126.758
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.140.282.699	87.368.557.063
Chi phí nhân công	168.794.559.579	158.248.572.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.587.360.723	75.741.077.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.289.505.490	105.608.109.853
Chi phí bằng tiền khác	31.976.805.168	50.906.736.474
	<b>669.681.574.224</b>	<b>557.625.179.396</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	98.138.562.981	51.737.636.363
	<b>98.138.562.981</b>	<b>51.737.636.363</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(76.827.231.812)	(37.641.161.452)
	<b>(76.827.231.812)</b>	<b>(37.641.161.452)</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
Phải trả người bán	57.501.126.698	17.088.833.344	74.589.960.042
Chi phí phải trả	880.161.778	-	880.161.778
Phải trả khác	157.202.898	-	157.202.898
Các khoản nhận ký quỹ ký cược	729.482.380	1.521.000.148	2.250.482.528
Các khoản vay	57.877.530.073	155.411.181.825	213.288.711.898
	<b>117.145.503.827</b>	<b>174.021.015.317</b>	<b>291.166.519.144</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2018</b>			
Phải trả người bán	122.300.546.046	9.301.500.000	131.602.046.046
Chi phí phải trả	922.035.797	-	922.035.797
Phải trả khác	137.893.539	-	137.893.539
Các khoản nhận ký quỹ ký cược	690.621.100	788.044.940	1.478.666.040
Các khoản vay	40.421.153.452	151.556.227.277	191.977.380.729
	<b>164.472.249.934</b>	<b>161.645.772.217</b>	<b>326.118.022.151</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.2 và 5.9).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo là nhận ký quỹ, ký cược của một bên khác tại ngày 31/12/2018 và 01/01/2018 (Thuyết minh số 5.18).

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.645.000.000	37.018.804.000	5.645.000.000	37.018.804.000
Phải thu khách hàng	32.267.362.585	55.797.879.858	31.901.788.385	55.419.069.458
Phải thu các bên liên quan	5.956.631.770	5.719.541.770	5.956.631.770	5.719.541.770
Phải thu khác	176.615.379.123	63.889.389.082	176.543.205.196	63.889.389.082
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	1.162.431.688	1.677.134.000	1.162.431.688	1.677.134.000
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.378.936.495	59.704.311.729	16.378.936.495	59.704.311.729
	<b>238.025.741.661</b>	<b>223.807.060.439</b>	<b>237.587.993.534</b>	<b>223.428.250.039</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	213.288.711.898	191.977.380.729	213.288.711.898	191.977.380.729
Phải trả các bên liên quan	50.306.325.718	2.920.000.000	50.306.325.718	2.920.000.000
Phải trả người bán	24.283.634.324	128.682.046.046	24.283.634.324	128.682.046.046
Chi phí phải trả	880.161.778	922.035.797	880.161.778	922.035.797
Phải trả khác	157.208.898	137.893.539	157.208.898	137.893.539
Các khoản nhận ký quỹ ký cược	2.250.476.528	1.478.666.040	2.250.476.528	1.478.666.040
	<b>291.166.519.144</b>	<b>326.118.022.151</b>	<b>291.166.519.144</b>	<b>326.118.022.151</b>

(\*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Nợ phải trả tài chính phi phái sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**v. Phòng ngừa rủi ro**

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	2.756.000.000	3.384.000.000
	<b>2.756.000.000</b>	<b>3.384.000.000</b>

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV</b>			
	Mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản	53.231.144.039	80.082.933.519
	Cung cấp dịch vụ	8.994.778.137	5.395.900.000
	Góp vốn	-	5.613.191.770
<b>Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây</b>			
	Tiền dịch vụ bến bãi	457.630.070	437.454.544
	Cung cấp dịch vụ	4.242.232.791	-
<b>Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông</b>			
	Tiền dịch vụ bến bãi	286.648.184	318.866.415
	Cung cấp dịch vụ	3.514.859.249	-
<b>Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn</b>			
	Tiền dịch vụ bến bãi	447.510.453	380.931.253

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo thị trường.

Công nợ phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV</b>			
	Phải thu thương mại (Xem Thuyết minh 5.3)	343.440.000	106.350.000
	Phải thu ngắn hạn khác (Xem Thuyết minh 5.5.1)	5.613.191.770	5.613.191.770
	Phải trả thương mại – ngắn hạn (Xem Thuyết minh 5.12)	10.295.300.980	2.920.000.000
	Phải trả thương mại – dài hạn (Xem Thuyết minh 5.12)	13.988.333.344	-
<b>Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông</b>			
	Ký quỹ thuê bến bãi	56.720.000	56.720.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây</b>			
	Ký quỹ thuê bến bãi	28.900.000	28.900.000
<b>Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn</b>			
	Ký quỹ thuê bến bãi	81.894.000	81.894.000

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**9.2 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ, thương mại tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2018) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**NGUYỄN THỊ VÂN ANH**  
Người lập

**PHẠM THỊ LỆ THU**  
Kế toán trưởng

**ĐOÀN MINH TÂM**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

**SaigonBus**<sup>®</sup>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

### **XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐOÀN MINH TÂM**